



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG



GV KHOA LUẬT
VLU. Tháng 8.2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**
 - Số tiết: 30 tiết (2tc) , thời gian 4 buổi MS team; 6 buổi Elearning (10 buổi)
 - Phương pháp dạy và học: thuyết trình, làm việc nhóm thảo luận, bài tập trên lớp (40%), học trên Elearning (60%)
 - Đánh giá kết thúc môn học: thang điểm 10.
- Điểm quá trình:** (0%) gồm: Chuyên cần; thảo luận 10%; bài KTTN trên Elearning (20%), Bài tập nhóm (20%)
- Thi cuối kỳ:** TRẮC NGHIỆM, SDTL (50%)

Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về sự ra đời, hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật trong lịch sử; kiến thức về một số luật chuyên ngành cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, thuyết trình, đọc và nghiên cứu tài liệu, giải quyết vấn đề.
- Góp phần hình thành tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ pháp luật và thái độ chủ động trong việc xử lý các rắc rối nảy sinh trong đời sống và công việc có liên quan đến pháp luật.

TÀI LIỆU HỌC TẬP:

- Giáo trình Pháp luật đại cương (ĐH Văn Lang - PGS. TS Bùi Anh Thủy - Chủ biên), Nxb. Tổng hợp, Tp. HCM, 2020.
- Sách hướng dẫn học tập Pháp luật đại cương (Nxb Đại học QG.Tp.HCM. 2020)
- **TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC:**
- *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- *Hiến pháp 2013*
- *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015*
- *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*
- *Bộ luật Dân sự 2015*
- *Bộ luật Tố tụng dân sự 2015*
- *Bộ luật Hình sự 2015, sửa bs 2017*

- *Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*
- *Bộ luật Lao động 2012, 2019*
- *Luật Doanh nghiệp 2014*
- *Luật thương mại 2005*
- *Luật đất đai 2013*
- *Luật hôn nhân và gia đình 2014*
- *Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018*



CÁC TRANG MẠNG ĐIỆN TỬ

- **Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp:**
<http://moj.gov.vn/Pages/home.aspx>
- **Cổng thông tin điện tử Chính phủ:**
<http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/trangchu>
- **Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử:**
<http://www.nclp.org>.

**NỘI
DUNG
HỌC
PHẦN**

1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước (B1)

2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật (phần 1), (B2)

2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật (phần 2), (B3-Elearning)

3. Luật Hiến pháp và Luật hành chính, TTHC, PL về phòng chống tham nhũng (B4-Elearning)

4. Pháp luật dân sự VN (B5- Elearning)

**NỘI
DUNG
HỌC
PHẦN**

***5. PL về Hôn nhân gia đình VN
(B6-Elearning)***

6. Pháp luật hình sự VN (B7)

***7. PL đất đai, Luật DN, Luật TM và giải
quyết tranh chấp trong KDTM (B8 -
Elearning)***

8. Luật quốc tế (B9-Elearning)

***9. PL về lao động và an sinh xã hội VN
(B10)***



BÀI 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

**BÀI 1.
NHỮNG
VẤN ĐỀ
CƠ BẢN
VỀ NHÀ
NƯỚC**

1. Nguồn gốc nhà nước

2. KN, đặc trưng và các kiểu NN

3. Hình thức nhà nước

4. Bản chất và chức năng của NN

5. Bộ máy nhà nước CHXHCNVN



1. Nguồn gốc nhà nước

**Hiện nay trên thế
giới có bao nhiêu
nước?**



> 200 quốc gia



**“Nhà nước” có
nguồn gốc từ
đâu?**

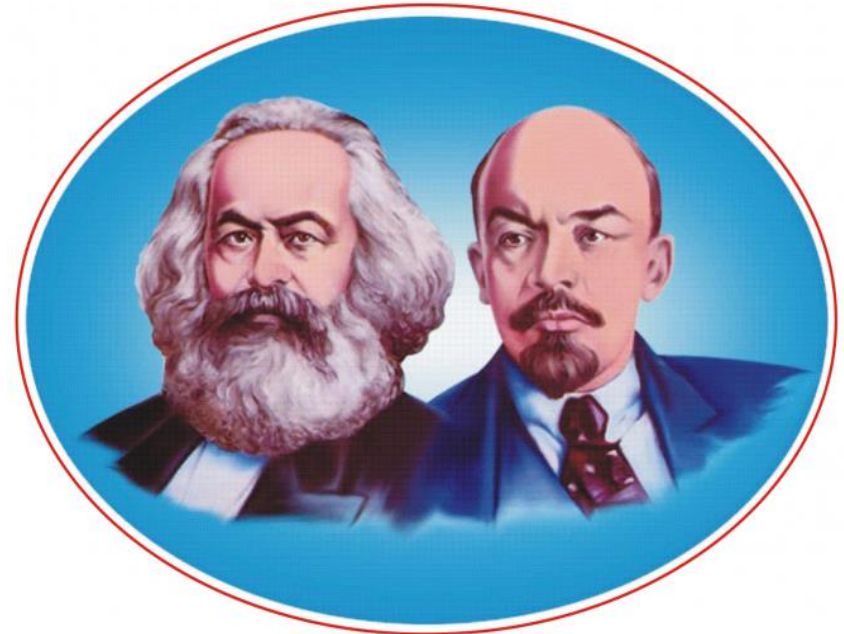


NGUỒN GỐC CỦA NHÀ NƯỚC

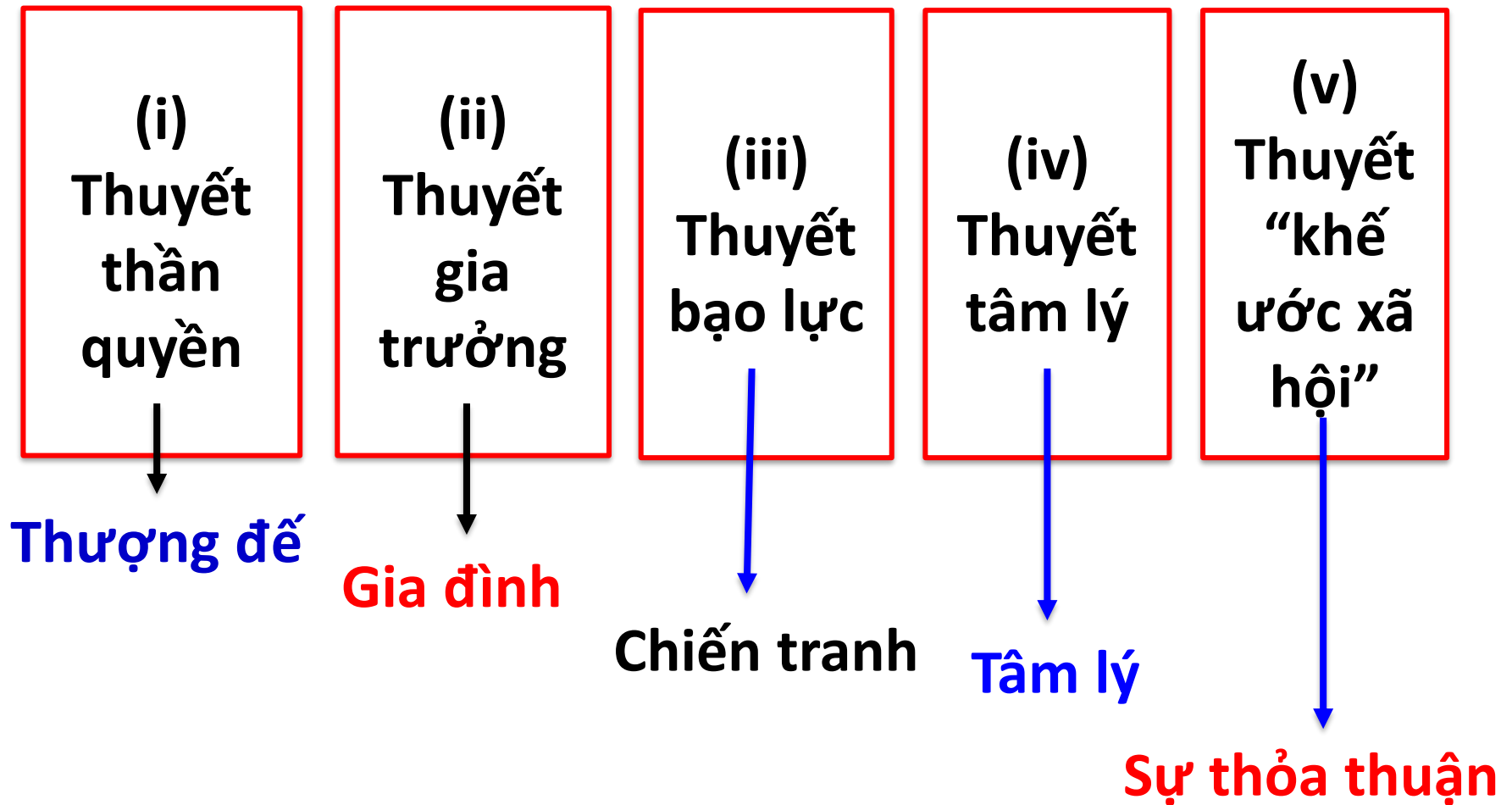


1- Học thuyết phi mácxít

2- Học thuyết mácxít



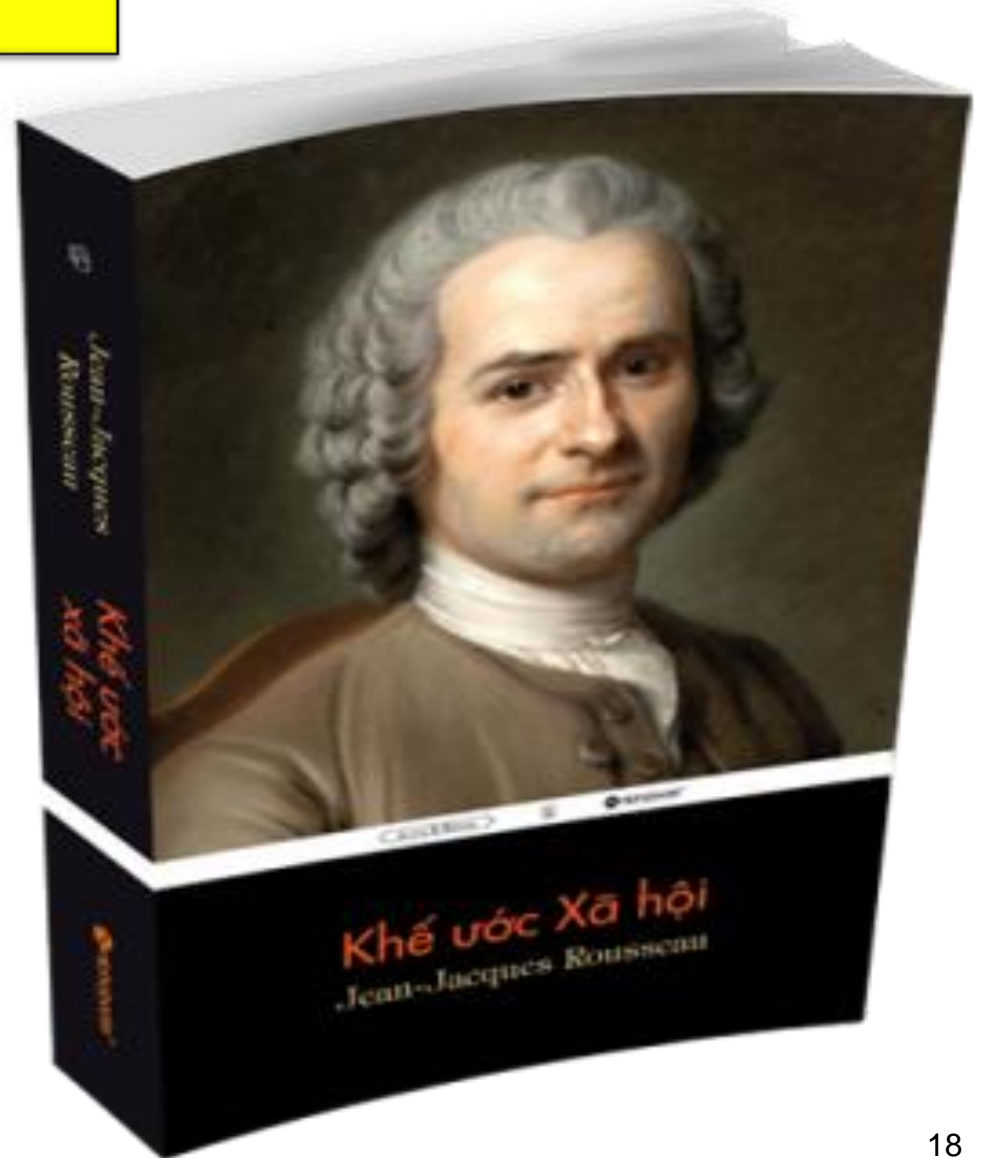
1 - Học thuyết phi Mác-xít



Khế ước (Hợp đồng)

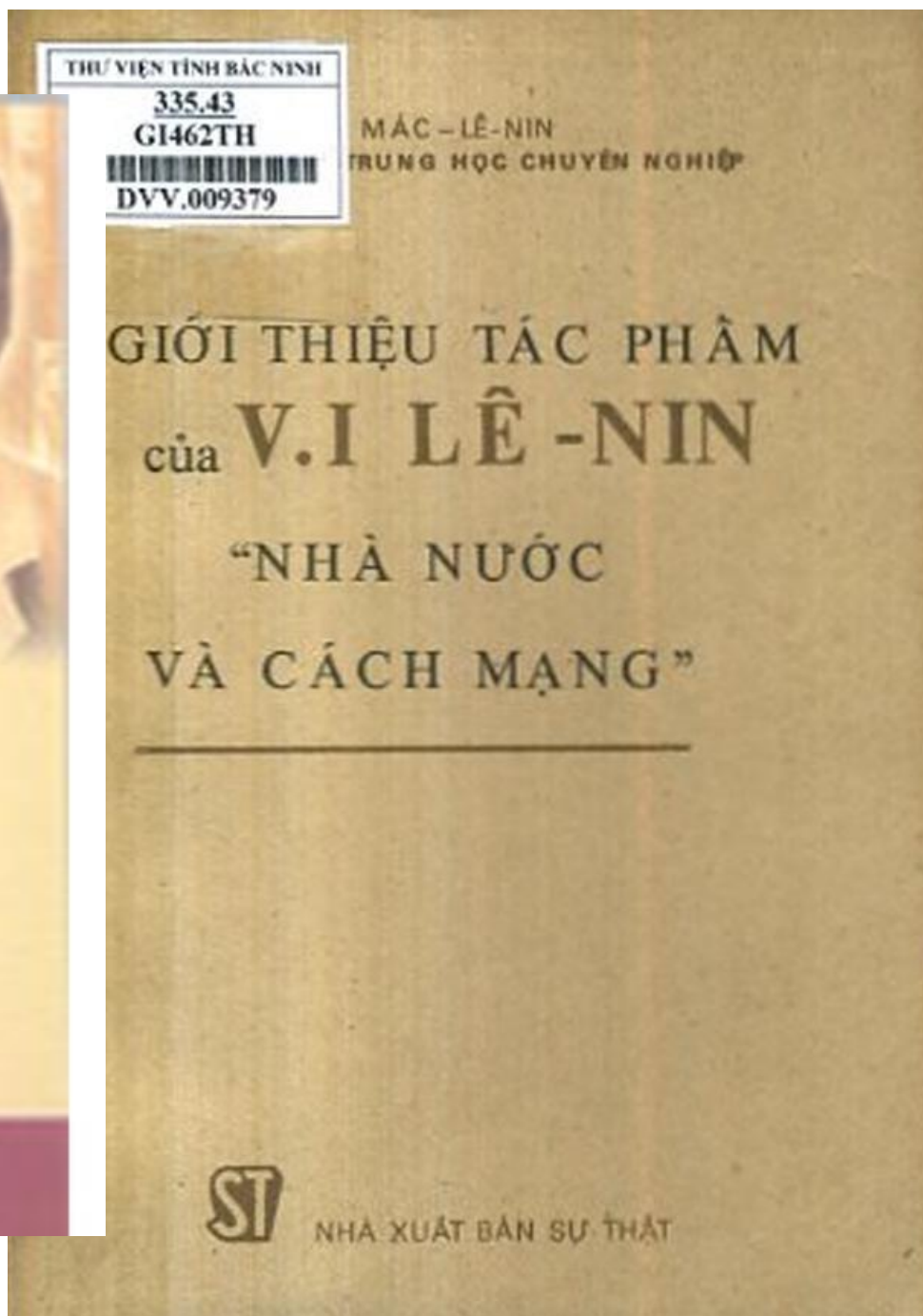
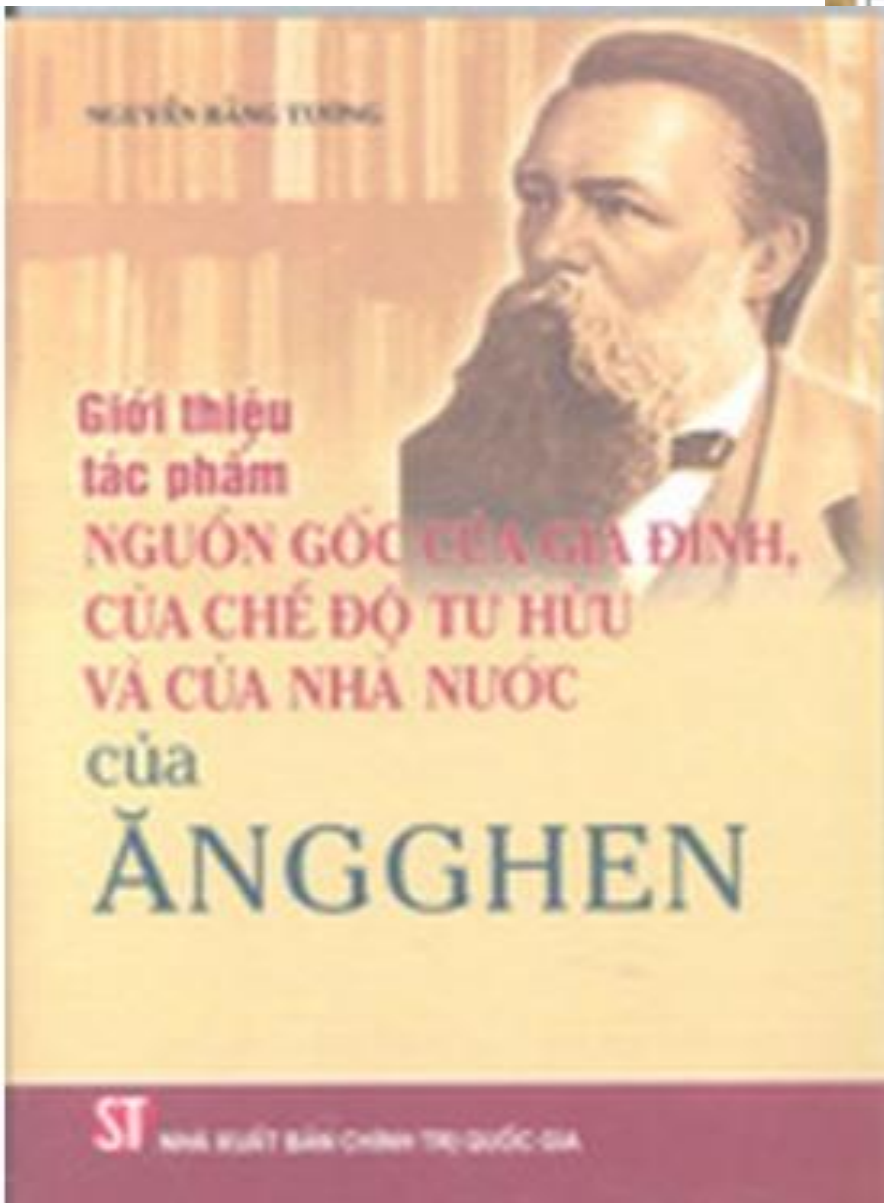


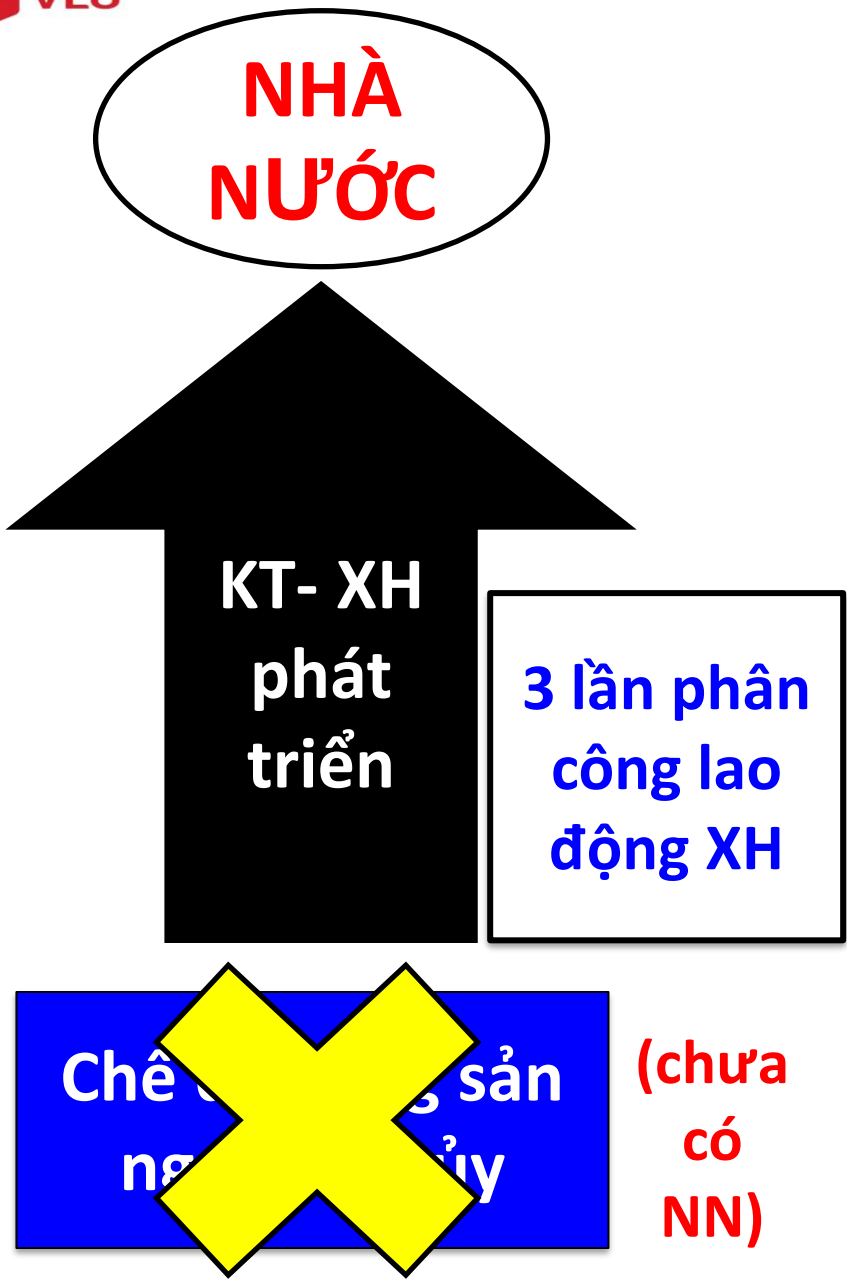
Nhà nước



**2 – Học
thuyết
Mác-Lênin**







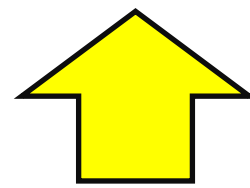
(chưa có NN)

>< GIAI CẤP

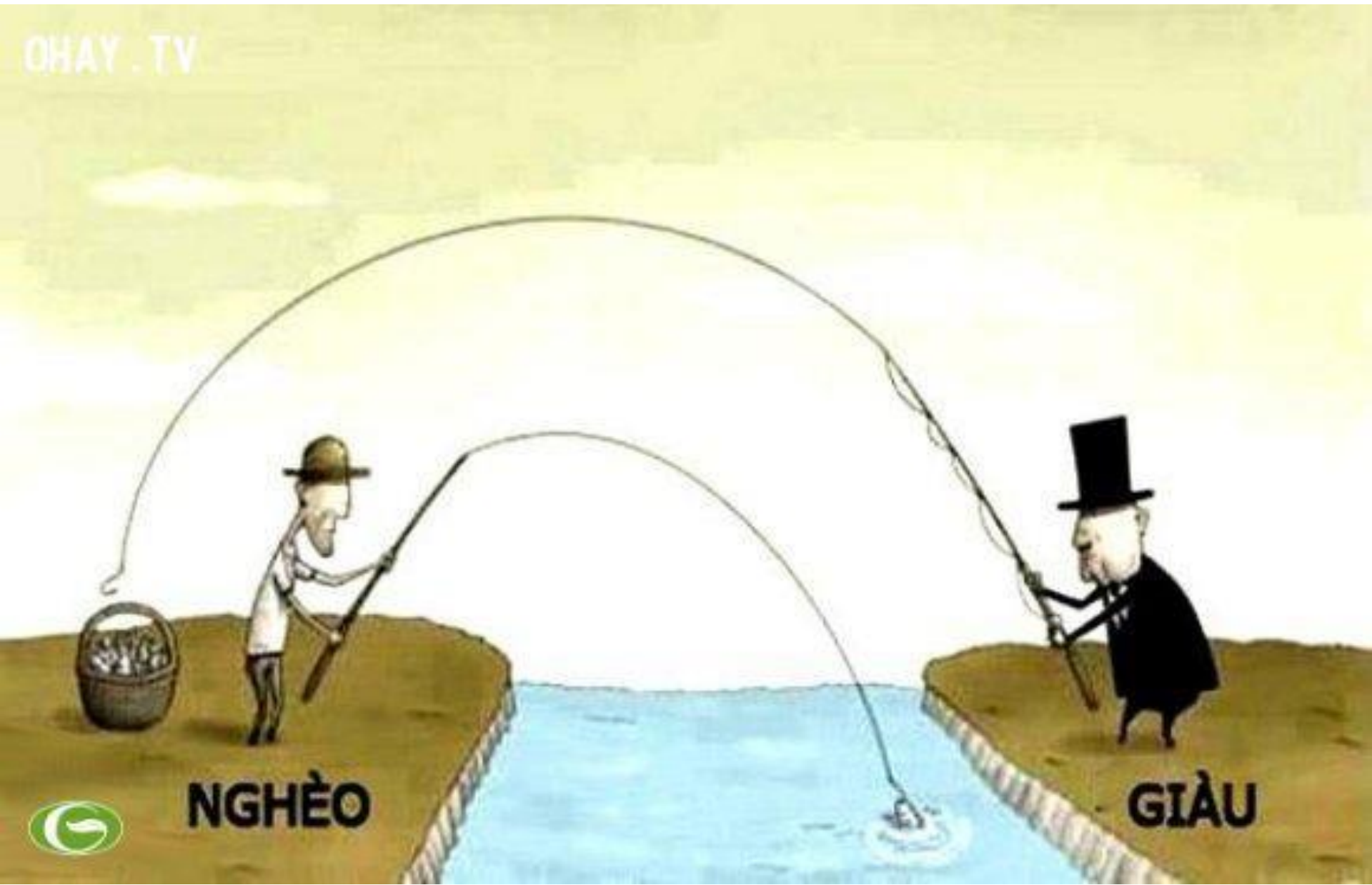
3-Buôn bán phát triển và thương nghiệp xuất hiện



2- Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp



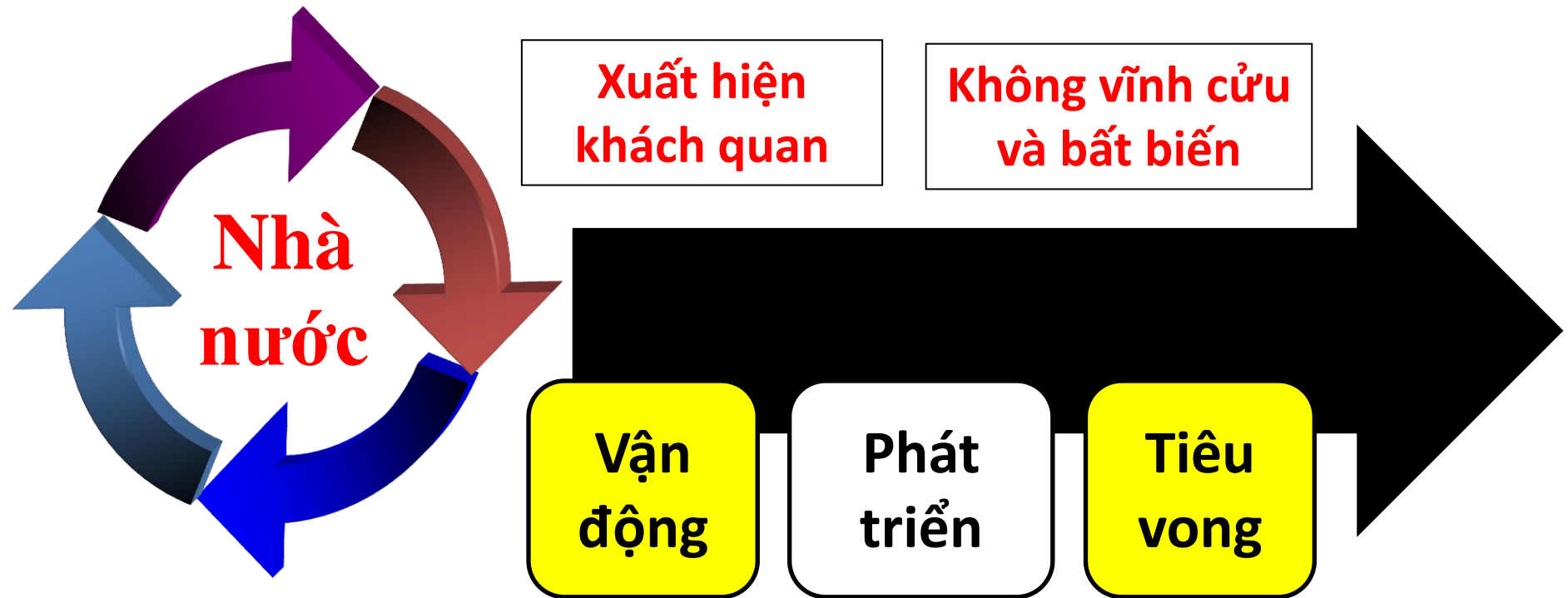
1- Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt



NGHÈO

GIÀU

Học thuyết Mác-LêNin



“Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được” (Lênin)



NHẬN ĐỊNH Đ/S? Vì sao?

- 1.Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-LêNin, Nhà nước ra đời là một hiện tượng chủ quan và Nhà nước là vĩnh cửu, bất biến.**
- 2.Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-LêNin, ba lần phân công lao động xã hội là trồng trọt ra đời, công nghiệp ra đời và thương nhân ra đời.**


Nhà nước đầu tiên của Việt Nam là gì?



Văn Lang – phôi thai



Âu Lạc – sơ khai
208 TCN



**2. Khái niệm,
đặc trưng và các
kiểu NN**

2.1. Khái niệm



2.2. Đặc trưng của Nhà nước:

1/ NN có quyền lực công, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế

- Hệ thống CQNN

- Độc quyền sử dụng vũ lực: quân đội, cảnh sát



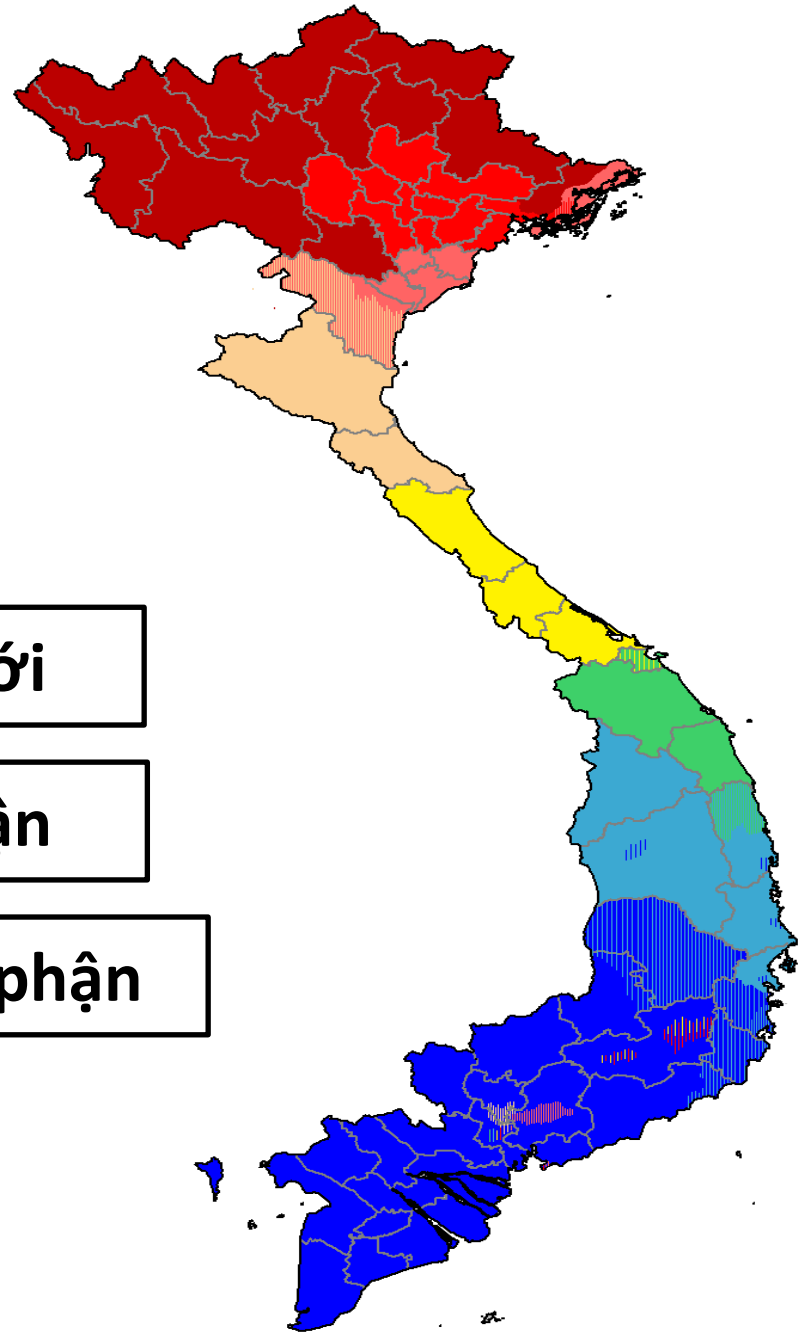
2.2. Đặc trưng của Nhà nước:

2/ NN có lãnh thổ, phân chia và thực hiện sự quản lý dân cư theo đơn vị hành chính – lãnh thổ

- Biên giới

- Hải phận

- Không phận





2.2. Đặc trưng của Nhà nước:

3/ NN có chủ quyền quốc gia

- QH đối nội

- QH đối ngoại

2.2. Đặc trưng của Nhà nước:

4/ NN ban hành PL và thực hiện sự quản lý bắt buộc đối với mọi công dân.



2.2. Đặc trưng của Nhà nước:



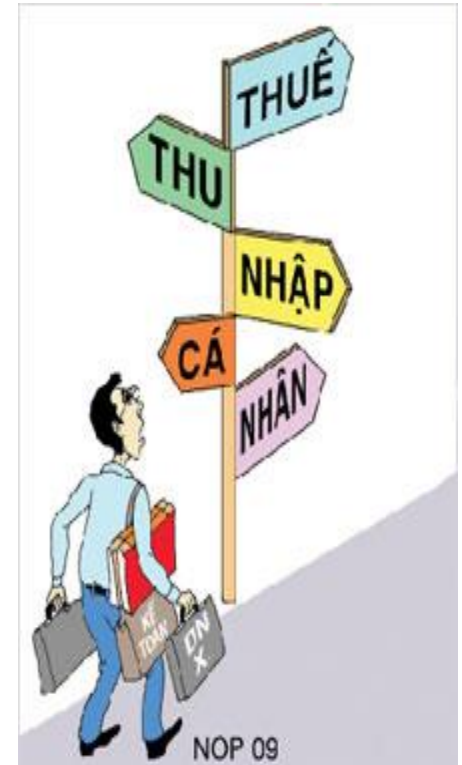
5/ NN có quyền định ra và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.

LẤY VÍ DỤ VỀ CÁC LOẠI THUẾ Ở VIỆT NAM?



VÍ DỤ: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

- Từ ngày 1.1.2020 đến 30.6.2020: mức giảm trừ là: Người nộp thuế 9tr/tháng; người phụ thuộc 3,6 tr/tháng
- Từ ngày 1.7.2020 trở đi: mức giảm trừ là: Người nộp thuế 11tr/tháng; người phụ thuộc 4,4 tr/tháng



2.3. Các kiểu nhà nước

a. Khái niệm:

Kiểu nhà nước là tổng thể những đặc điểm cơ bản của nhà nước, thể hiện bản chất, vai trò xã hội, những điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế - Xã hội nhất định.

b. Các kiểu Nhà nước trong lịch sử :

- ✓ Nhà nước Chiếm hữu nô lệ
- ✓ Nhà nước Phong kiến
- ✓ Nhà nước Tư sản
- ✓ Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa

Kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ

Cơ sở kinh tế: chế độ sở hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất và nô lệ.

Cơ sở Xã hội: giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do.

Cơ sở tư tưởng: Sử dụng tôn giáo để làm sức mạnh tinh thần và là công cụ để thống trị về tư tưởng



Nhà nước Phong kiến

Cơ sở kinh tế: QHSX

dựa trên chế độ sở hữu của địa chủ đối với TLSX (chủ yếu là ruộng đất)

Cơ sở Xã hội: giai cấp chính là địa chủ và nông dân

Cơ sở tư tưởng: Các nhà nước Phong kiến sử dụng tôn giáo là công cụ thống trị



Nhà nước Tư sản

Cơ sở kinh tế: QHSX tư bản chủ nghĩa, dựa trên chế độ sở hữu tư nhân của giai cấp tư sản đối với TLSX và chế độ bóc lột lao động làm thuê

Cơ sở Xã hội: hai giai cấp chính là tư sản và vô sản.

Cơ sở tư tưởng: Thuyết đa nguyên (tự do tư tưởng)



Nhà nước XHCN

Cơ sở kinh tế: QHSX mới XHCN, dựa trên chế độ công hữu công cộng về tư liệu sản xuất và quan hệ hợp tác, bình đẳng giúp đỡ lẫn nhau giữa người lao động

Cơ sở Xã hội

Giai cấp Công nhân, nhân dân lao động và tầng lớp trí thức

Cơ sở tư tưởng

Chủ nghĩa Mác Lê Nin





3. Hình thức của nhà nước

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

LÀ:

- cách thức tổ chức

1- Hình thức chính thể

2- Hình thức cấu trúc nhà nước

- và phương pháp

3- Chế độ chính trị

để thực hiện QLNN.

(1) HÌNH THỨC CHÍNH THỂ

=> QLNN ở TW

Cách thức,
trình tự tổ
chức

- Bầu, bổ
nhiệm, thể tập

- Độc lập hay có
liên quan

Mối quan hệ
giữa các CQ

- Ngang bằng
=> Đối trọng

- Không ngang
nhau => Cấp
trên, dưới

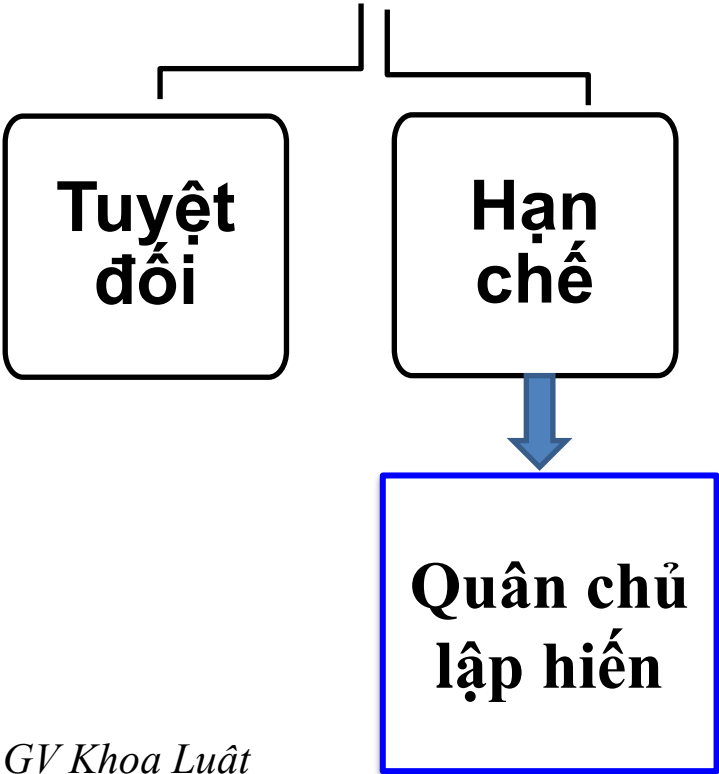
Sự tham gia
của nhân dân

BẦU CỬ

HÌNH THỨC CHÍNH THỂ

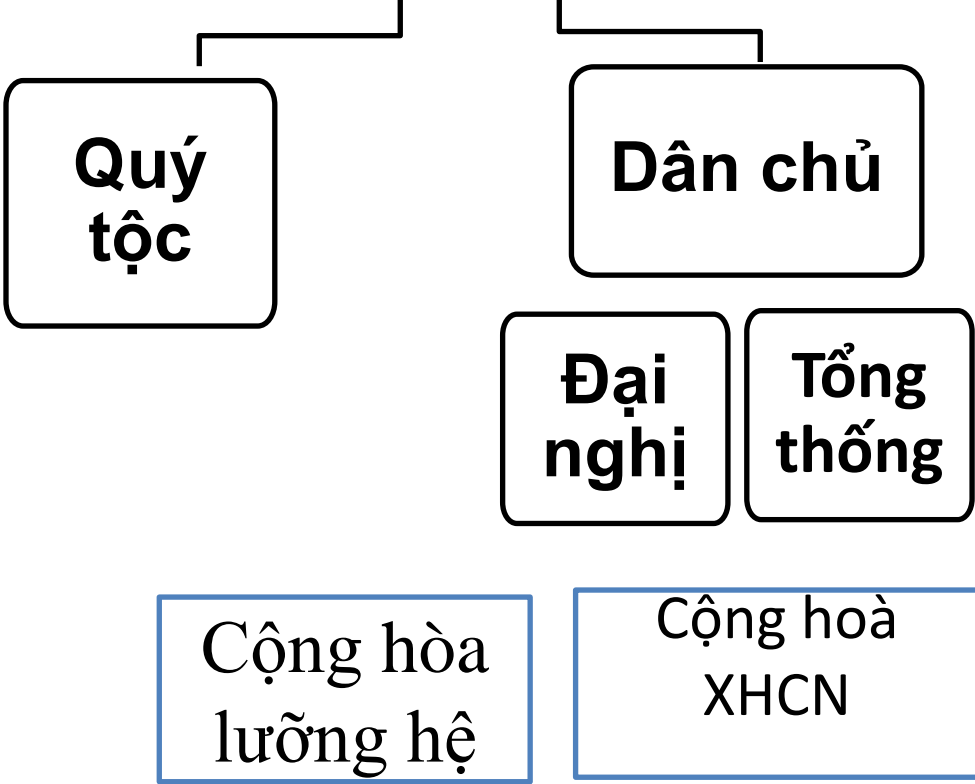
QUÂN CHỦ

Người đứng đầu (Vua)
=> Thừa kế thế tập



CỘNG HÒA

Cơ quan đứng đầu (Nghị viện, QH)
=> Bầu cử



Quân chủ lập hiến



Quân chủ lập hiến





CH Tổng thống





CH Đại nghị





CH lưỡng hệ



CH XH CN Việt Nam



Cộng hòa

Đại nghị

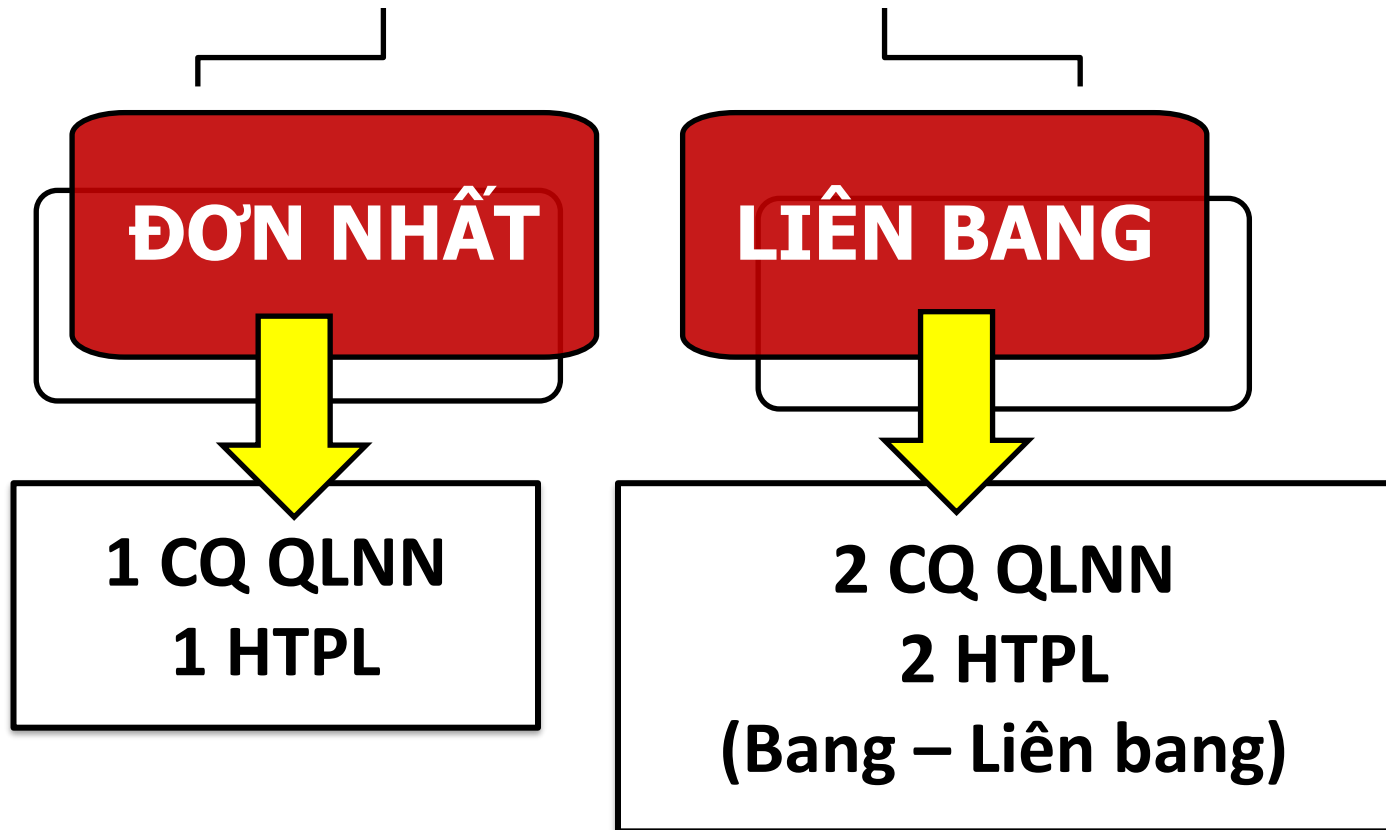
- Nguyên thủ quốc gia do nghị viện bầu
- Chính phủ do thủ tướng đứng đầu, chịu trách nhiệm trước nghị viện
- Ví dụ: CHLB Đức, Áo, Ấn Độ, I-ta-li-a, Thổ Nhĩ Kỳ, Sing-ga-po...

Tổng thống

- Lập pháp, hành pháp không chịu trách nhiệm lẫn nhau, đều do dân bầu
- Nguyên thủ quốc gia đứng đầu nhà nước, đứng đầu hành pháp
- Ví dụ: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, I-ran, Phi-lip-pin...

(2) HÌNH THỨC CẤU TRÚC NN

=> Cấu tạo NN thành đơn vị hành chính lãnh thổ



(3) CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

**=> Cách thức,
PP thực
hiện QLNN.**

**DÂN
CHỦ**

**PHẢN
DÂN
CHỦ**

**Sự tham gia của nhân dân vào việc tổ
chức và thực hiện QLNN.**

CÂU 1

Hình thức cấu trúc Nhà nước CHXHCN Việt Nam là:

- a) Nhà nước cộng hòa**
- b) Nhà nước quân chủ**
- c) Nhà nước liên bang**
- d) Nhà nước đơn nhất**

Câu 2

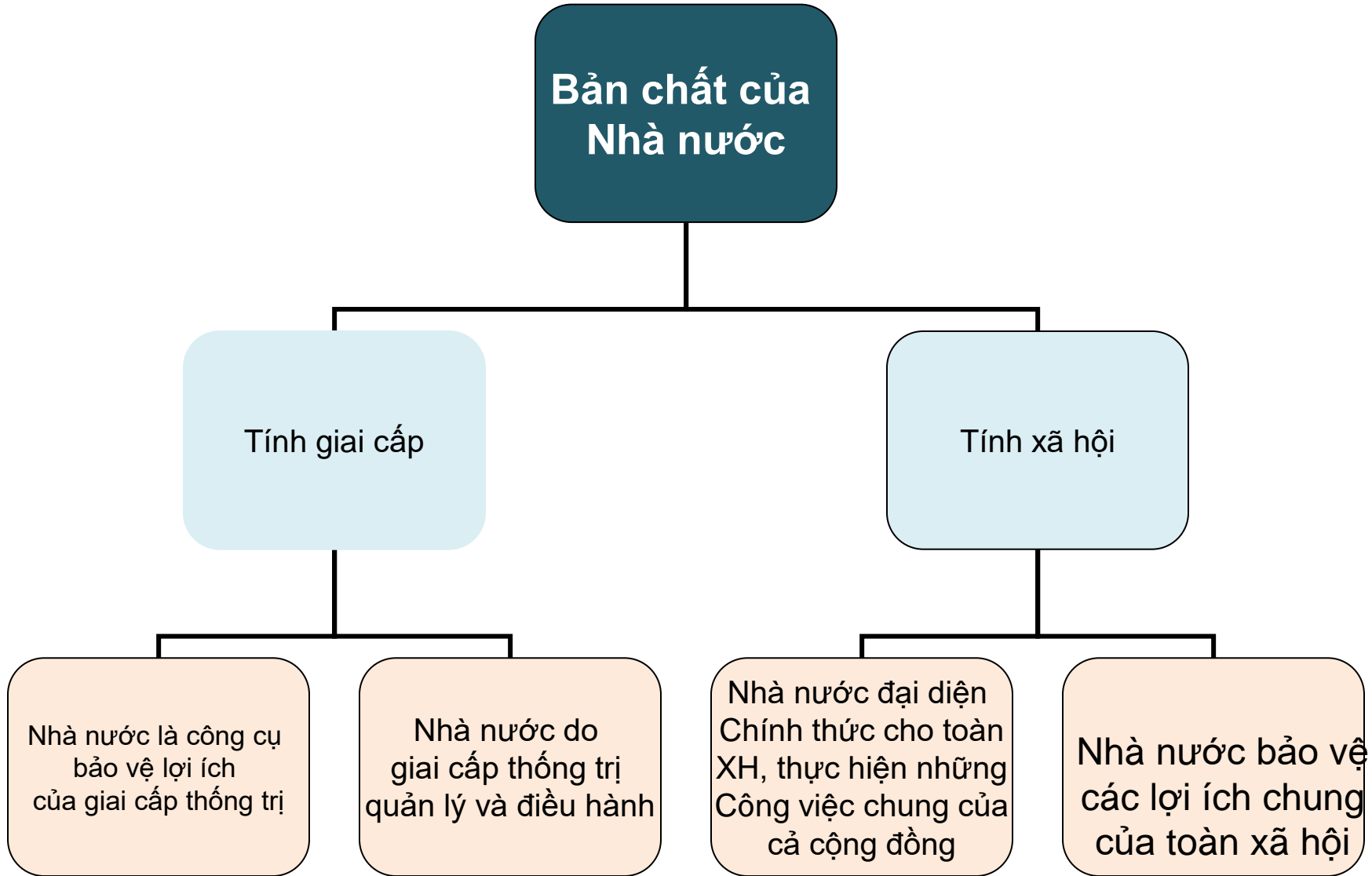
Nhà nước nào sau đây không phải là nhà nước liên bang:

- a) Hoa Kỳ**
- b) Trung Quốc**
- c) Đức**
- d) Malaysia**



**4. Bản chất và
chức năng
của nhà nước**

4.1. Bản chất của Nhà nước



4.1. BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC

- Tính giai cấp của Nhà nước?
- Vai trò xã hội của Nhà nước?
- Bản chất Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

4.1. BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC

a. Tính giai cấp của Nhà nước

- Có tính khách quan, xuất hiện trên cơ sở quy luật.
- Do giai cấp thống trị tổ chức nên và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.
- Quyền lực Nhà nước: quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị và quyền lực tư tưởng.



4.1. BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC

b. Tính xã hội của Nhà nước

- Giải quyết những vấn đề nảy sinh từ đời sống xã hội như: đói nghèo, bệnh tật, chiến tranh, các vấn đề về môi trường, chống thiên tai; các vấn đề về dân tộc, tôn giáo...
- Bảo đảm trật tự chung, bảo đảm các giá trị chung của xã hội để tồn tại và phát triển.



c. Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam



NN CHXHCN VN là NN pháp quyền XHCN, của nd, do nd, vì nd

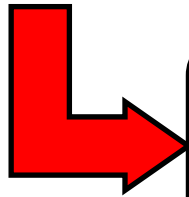


Quyền lực NN thuộc về ND nên tảng là liên minh CN, ND, đội ngũ tri thức



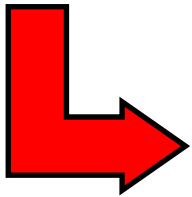
Quyền lực NN thống nhất có phân công, phối hợp, kiểm soát giữa 3 nhánh Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp

4.2. Chức năng của nhà nước:



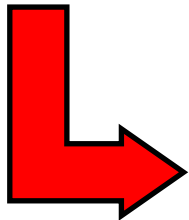
Là gì?

- những phương diện hoạt động cơ bản của NN.



Thể hiện?

- Vai trò của NN



Nhằm?

- thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước NN.

CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

4.2. CHỨC NÃNG

(a) CN
đối nội

(b) CN
đối
ngoại



PL CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC

**a) CN đối
nội**

**(a) CN
kinh tế**

**(b) CN xã
hội**

**(c) CN đảm
bao an
ninh CT**



Chức năng đối nội



Chức năng đối ngoại



* Chức năng
đối ngoại

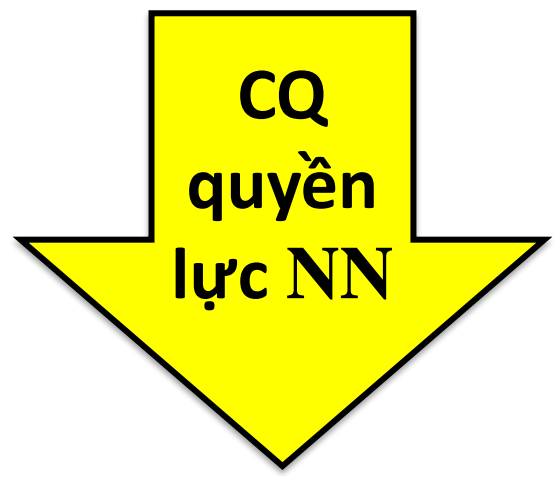
Phát triển các mối quan hệ
với các quốc gia, tổ chức
quốc tế

Phòng thủ an ninh, giữ
vững độc lập và toàn vẹn
lãnh thổ

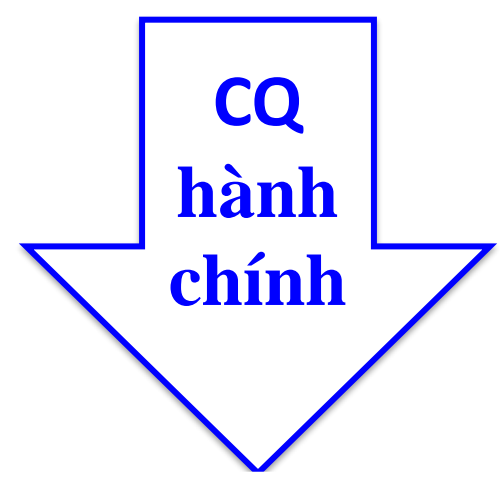
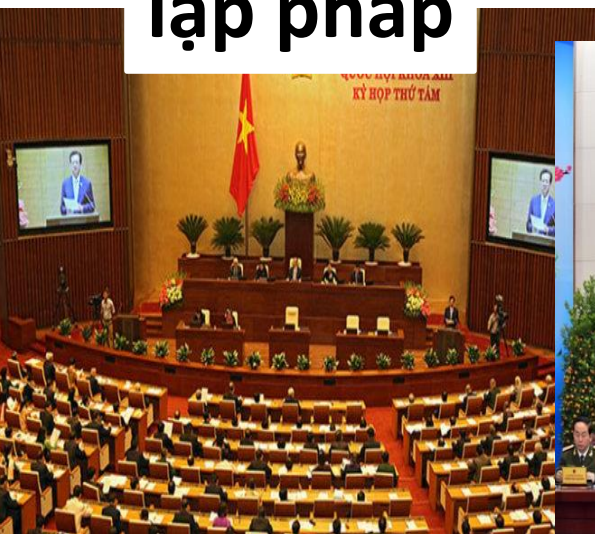
5. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



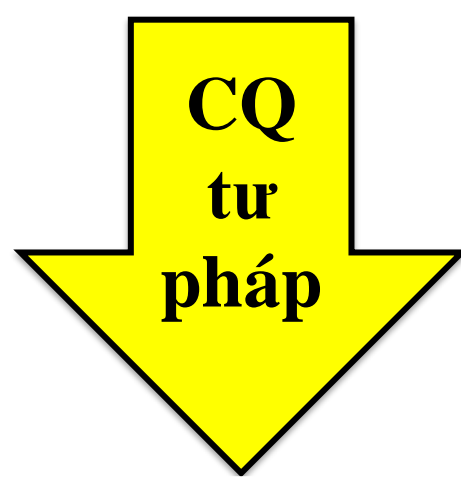
BỘ MÁY NHÀ NƯỚC



**Quyền
lập pháp**



**Quyền
hành pháp**



**Quyền
tư pháp**



BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

**QUỐC
HỘI**

**CHỦ
TỊCH
NƯỚC**

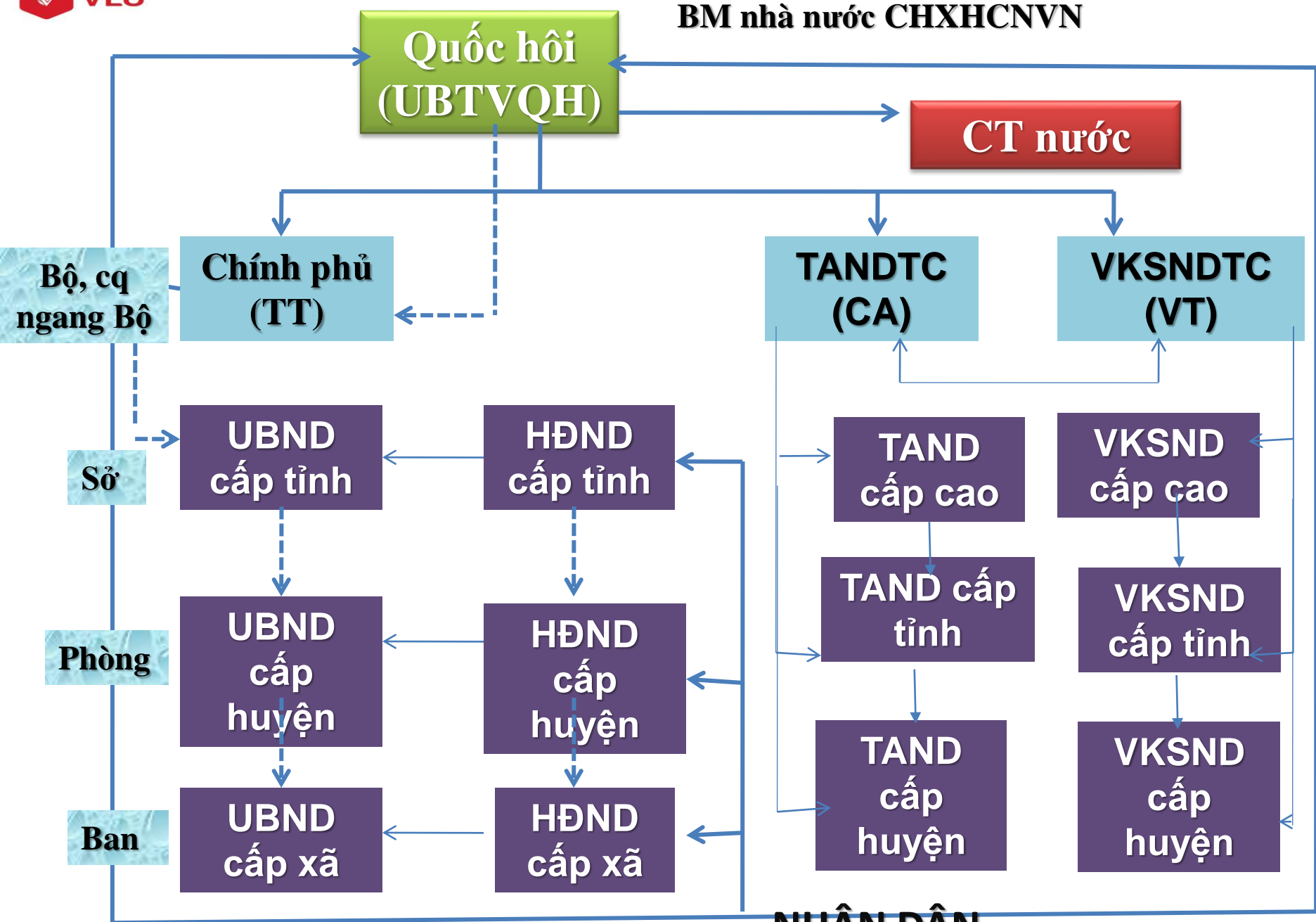
**CHÍNH
PHỦ**

**TAND
tối cao**

**VKSND
tối cao**

**HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN
CÁC CẤP**

**ỦY BAN
NHÂN DÂN
CÁC CẤP**



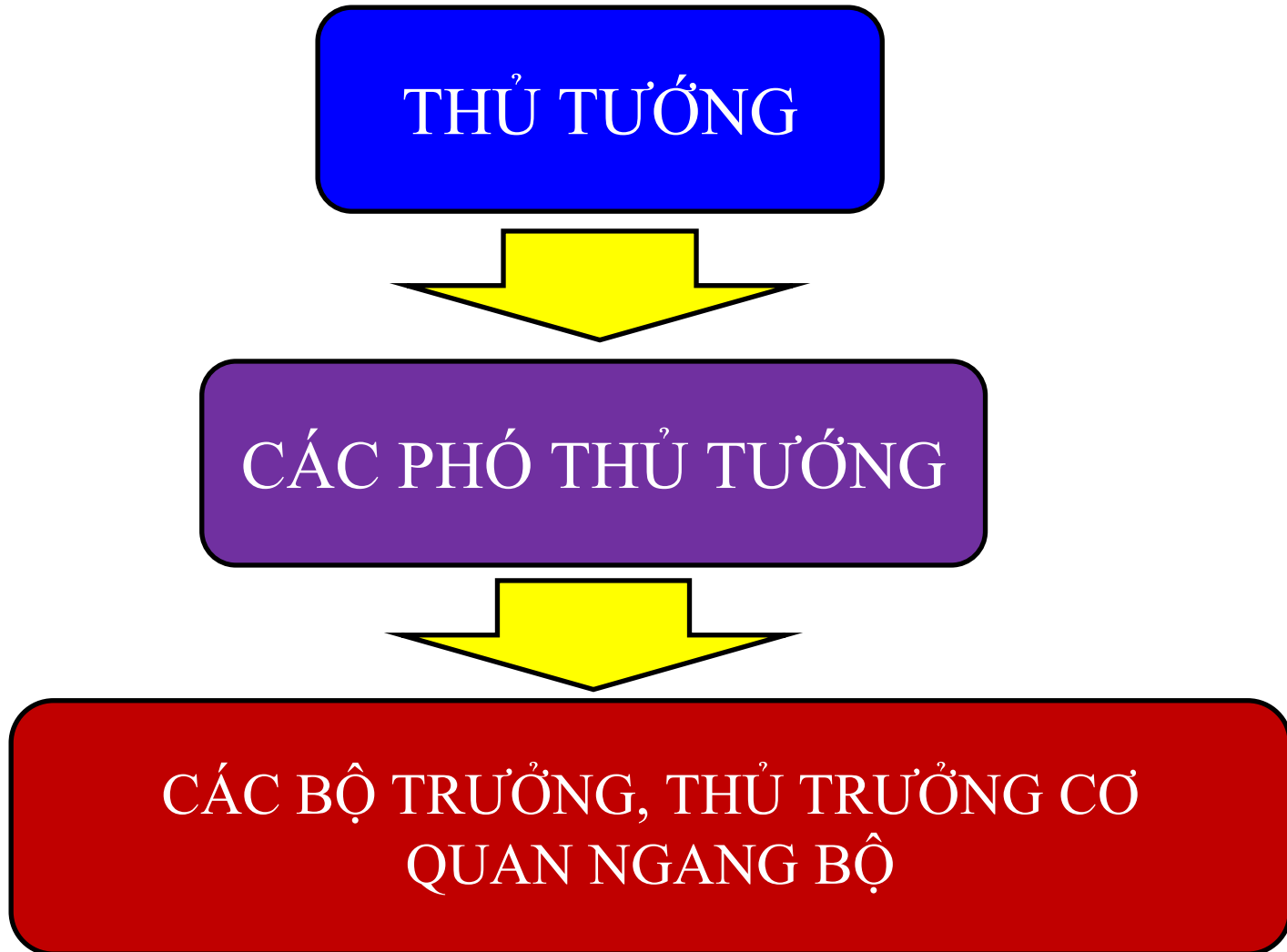
Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc



CHÍNH PHỦ



Cơ cấu tổ chức của Chính phủ:





Thủ tướng
PHẠM MINH CHÍNH



Phó Thủ tướng
Phạm Bình Minh



Phó Thủ tướng
Lê Minh Khái



Phó Thủ tướng
Vũ Đức Đam



Phó Thủ tướng
Lê Văn Thành

18 bộ:

1. Quốc phòng
2. Công an
3. Ngoại giao
4. Nội vụ
5. Tư pháp
6. Y tế.
7. Tài chính
8. Công Thương
9. Xây dựng

10. Kế hoạch và Đầu tư
11. Giao thông Vận tải
12. Tài nguyên và Môi trường
13. Thông tin và Truyền thông
14. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15. Lao động Thương binh và Xã hội
16. Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17. Khoa học và Công nghệ
18. Giáo dục và Đào tạo

4 cơ quan ngang bộ:

1. Ủy ban Dân tộc
2. Ngân hàng nhà nước;
3. Thanh tra Chính phủ;
4. Văn phòng Chính phủ.

Các cơ quan thuộc Chính phủ

- Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
- Thông tấn xã Việt Nam
- Đài Tiếng nói Việt Nam
- Đài Truyền hình Việt Nam
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

TÒA ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP



KIỂM SÁT NHÂN DÂN



“... CÁC BẠN LÀ NHỮNG
NGƯỜI PHỤ TRÁCH
THI HÀNH PHÁP LUẬT,
CÁC BẠN PHẢI NẾU GIƯƠNG:
“PHỤNG CÔNG, THỦ PHÁP,
CHỈ CÔNG VÔ TƯ...””
Trích thư gửi hội nghị Tư Pháp năm 1948
của Chủ tịch Hồ Chí Minh

“... BA NGÀNH PHẢI
PHỐI HỢP VỚI NHAU Đ
LÀM CHO ĐƯỢC
BỐN CÁI ĐÚNG:
XỬ ĐÚNG KẾ PHẠM TỘI
XỬ ĐÚNG TỘI TRẠNG,
XỬ ĐÚNG PHÁP LUẬT,
XỬ ĐÚNG LÚC...”
Trích thư gửi hội nghị Tư Pháp năm 1948
của Chủ tịch Hồ Chí Minh



THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
THỦ KÝ

THẨM PHÁN

BỊ CÁO



HỘI TRƯỞNG HỘI ĐỒNG

HÀNG PHÁP

TRẦN PHƯƠNG
ĐẠI TÁ PHÍA BÊN

HỘI TRƯỞNG HỘI ĐỒNG

HỘI TRƯỞNG HỘI ĐỒNG

HỘI TRƯỞNG HỘI ĐỒNG

TTXVN - YNA

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP



ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP



CÂU 1

Cơ quan nào là cơ quan hành chính Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

- a) Chính phủ**
- b) Quốc hội**
- c) Tòa án Nhân dân**
- d) Viện Kiểm sát Nhân dân**

CÂU 2

Kể tên các nhánh quyền lực của Nhà nước Việt Nam:

- Lập pháp**
- Hành pháp**
- Tư pháp**

CÂU 3

Cơ quan nào có quyền xác định một người là phạm tội?

- a) Quốc hội**
- b) Viện Kiểm sát Nhân dân**
- c) Cơ quan Công an**
- d) Tòa án Nhân dân**

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- **1. Kiểu nhà nước đầu tiên trong lịch sử loài người là:**
 - a. Tư sản
 - b. Phong kiến
 - c. Chủ nô
 - d. Pháp quyền

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- **1. Kiểu nhà nước đầu tiên trong lịch sử loài người là:**
 - a. Tư sản
 - b. Phong kiến
 - c. Chủ nô**
 - d. Pháp quyền

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (tt)

- **2. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, sự thay thế các kiểu nhà nước là do:**
 - a. Tương quan lực lượng giữa các giai cấp
 - b. Mâu thuẫn giữa các đảng phái trong xã hội
 - c. Lực lượng sản xuất mới được thiết lập
 - d. Quá trình lịch sử tự nhiên

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (tt)

- **2. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, sự thay thế các kiểu nhà nước là do:**
 - a. Tương quan lực lượng giữa các giai cấp
 - b. Mâu thuẫn giữa các đảng phái trong xã hội
 - c. Lực lượng sản xuất mới được thiết lập
 - d. Quá trình lịch sử tự nhiên**

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (tt)

- **3. Cơ sở xã hội của nhà nước chủ nô ở phương Tây là:**
 - a. Tồn tại 02 giai cấp cơ bản: chủ nô và giới bình dân
 - b. Tồn tại nhiều giai cấp cơ bản: chủ nô, nô lệ, giới bình dân
 - c. Tồn tại 02 giai cấp cơ bản: chủ nô và lực lượng dân tự do
 - d. Tồn tại hai giai cấp cơ bản là chủ nô và nô lệ

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (tt)

- **3. Cơ sở xã hội của nhà nước chủ nô ở phương Tây là:**
 - a. Tồn tại 02 giai cấp cơ bản: chủ nô và giới bình dân
 - b. Tồn tại nhiều giai cấp cơ bản: chủ nô, nô lệ, giới bình dân
 - c. Tồn tại 02 giai cấp cơ bản: chủ nô và lực lượng dân tự do
 - d. Tồn tại hai giai cấp cơ bản là chủ nô và nô lệ**

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (tt)

- **5. Cơ sở kinh tế của nhà nước tư bản là:**
 - a. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là quan hệ sản xuất giữa nhà tư bản và công nhân lao động làm thuê
 - b. Đất đai – tư liệu sản xuất duy nhất thuộc sở hữu của giai cấp tư sản
 - c. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là quan hệ sản xuất giữa giai cấp phong kiến và nhân dân lao động
 - d. Quan hệ sản xuất giữa các nhà tư bản với



Thank
you!

Nhận định sau đây đúng hay sai? Tại sao?

1. Nhà nước là một phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong.
2. Nhà nước xuất hiện ngay từ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy.
3. Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị tổ chức ra để trấn áp các giai cấp khác.
4. Quyền lực Nhà nước được thực hiện bởi hệ thống cơ quan Nhà nước, biểu hiện ở thẩm quyền của Nhà nước và không có giới hạn.
5. Nhà nước tồn tại một cách biệt lập với lãnh thổ và dân cư.
6. Chủ quyền quốc gia thể hiện ở quyền tự quyết của Nhà nước về tất cả các vấn đề thuộc chính sách đối nội và đối ngoại, không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài.
7. Nhà nước và các tổ chức xã hội đều có quyền ban hành pháp luật.
8. Chỉ Nhà nước mới có quyền định ra và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.
9. Bộ máy Nhà nước tư sản được tổ chức theo nguyên tắc tập trung các quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp trong cùng một cơ quan.
10. Từ sau khi được Anh và Bồ Đào Nha trao trả chủ quyền các vùng lãnh thổ Hồng Kông, Ma Cao thì Nhà nước Trung Quốc trở thành Nhà nước Liên bang.

CÂU HỎI ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến sự hình thành Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.
2. Phân tích nội dung và nhận xét các giá trị của các học thuyết phi Mác-xít về nguồn gốc của Nhà nước.
3. Phân tích tính xã hội của Nhà nước và nhận diện những biểu hiện của tính xã hội của Nhà nước trên thực tế.
4. Nêu và phân tích các dấu hiệu đặc trưng của Nhà nước
5. Hiểu thế nào là chức năng Nhà nước và phân biệt chức năng với nhiệm vụ của Nhà nước.
6. Phân tích khái niệm bộ máy Nhà nước.
7. Phân biệt cơ quan Nhà nước với các tổ chức khác trong xã hội có giai cấp.
8. Phân tích chức năng kinh tế của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
9. Nêu và phân tích chức năng xã hội của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
10. Nêu mối liên hệ và tác động qua lại giữa các chức năng đối nội của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

I. Trắc nghiệm khách quan

1. *Đặc trưng quyền lực Nhà nước:*
 - a. Quyền lực Nhà nước thuộc về một nhóm người, dùng áp chế những người còn lại.
 - b. Quyền lực Nhà nước thuộc về số đông trong xã hội.
 - c. Quyền lực Nhà nước chỉ do những người giàu có nắm giữ.
 - d. Quyền lực Nhà nước được bảo đảm bởi pháp luật, tác động tới toàn bộ dân cư, các tổ chức trên phạm vi lãnh thổ quốc gia.
2. *Quyền lực không xuất hiện trong xã hội Công xã nguyên thủy là:*
 - a. Quyền lực tự nhiên.
 - b. Quyền lực thị tộc
 - c. Quyền lực tôn giáo
 - d. Quyền lực Nhà nước
3. *Chủ quyền quốc gia được hiểu là:*
 - a. Quyền tự quyết về đối nội.
 - b. Quyền tự quyết về đối ngoại.
 - c. Quyền lực của quân đội trú đóng trên một bộ phận lãnh thổ nhất định
 - d. Quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của mình và quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ quốc tế
4. *Kiểu Nhà nước đầu tiên trong lịch sử loài người là:*
 - a. Phong kiến
 - b. Chủ nô
 - c. Tư sản
 - d. Pháp quyền
5. *Nguyên nhân sâu xa của sự thay thế kiểu Nhà nước là:*
 - a. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong một phương thức sản xuất xã hội
 - b. Do cuộc cách mạng xã hội
 - c. Do phương thức sản xuất mới được thiết lập
 - d. Do một kiểu kiến trúc thượng tầng mới được xác lập
6. *Những Nhà nước thuộc cùng “một kiểu” là:*
 - a. Những Nhà nước đều tồn tại trong một xã hội có giai cấp và mâu thuẫn giai cấp

- b. Những Nhà nước có cùng những đặc điểm, đặc trưng nhất định
 - c. Những Nhà nước đều luôn vận động và biến đổi giống nhau
 - d. Những Nhà nước đều xuất hiện một cách khách quan, là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên của đời sống xã hội
7. *Xã hội từ xưa đến nay đã trải qua bao nhiêu kiểu Nhà nước:*
- a. 2 kiểu Nhà nước
 - b. 3 kiểu Nhà nước
 - c. 4 kiểu Nhà nước
 - d. 5 kiểu Nhà nước.
8. *Theo học thuyết Mác – Lênin, sự thay thế kiểu Nhà nước sau cho kiểu Nhà nước trước trong xã hội được thực hiện bằng:*
- a. Cuộc cách mạng xã hội
 - b. Quyền lực cá nhân
 - c. Đấu tranh chính trị
 - d. Thương lượng hòa bình.
9. *Hình thái kinh tế - xã hội không tồn tại kiểu Nhà nước tương ứng là:*
- a. Phong kiến
 - b. Chiếm hữu nô lệ
 - c. Công xã nguyên thủy
 - d. Tư bản chủ nghĩa.
10. *Nhà nước có tính giai cấp vì:*
- a. Nhà nước là công cụ cơ bản của quyền lực chính trị trong xã hội có giai cấp, bảo vệ và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị
 - b. Nhà nước là công cụ quan trọng do giai cấp tổ chức ra để trấn áp giai cấp đối kháng
 - c. Giai cấp và đấu tranh giai cấp là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự hình thành Nhà nước
 - d. Tất cả đều đúng.
11. *Nhà nước có tính xã hội vì:*
- a. Nhà nước ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý các công việc chung của xã hội
 - b. Nhà nước là một thiết chế quan trọng nhất để quản lý xã hội, duy trì trật tự, ổn định và phát triển của xã hội

- c. Nhà nước sẽ không thể tồn tại nếu chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị mà không chú ý đến lợi ích của các giai tầng khác trong xã hội
 - d. Tất cả đều đúng
12. *Bản chất Nhà nước thể hiện nội dung sau:*
- a. Tính Nhân dân
 - b. Tính giai cấp của Nhà nước
 - c. Tính xã hội của Nhà nước
 - d. Là mối quan hệ giữa tính giai cấp và tính xã hội của Nhà nước
13. *“Nhà nước mang tính xã hội” là một trong những nội dung thuộc về:*
- a. Quyền lực Nhà nước
 - b. Chức năng Nhà nước
 - c. Đặc trưng Nhà nước
 - d. Bản chất Nhà nước
14. *Nội dung nào sau đây thể hiện bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa?*
- a. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của sự liên minh giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân.
 - b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu kết hợp chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
 - c. Nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ thực hiện chức năng quản lý xã hội, không có chức năng cưỡng chế.
 - d. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có bộ máy cưỡng chế của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động lập ra để đàn áp sự phản kháng của tầng lớp bóc lột cũ đã bị lật đổ và các lực lượng chống đối khác.
15. *Hình thức cấu trúc của Nhà nước có mấy dạng?*
- a. 1
 - b. 2
 - c. 3
 - d. 4
16. *Nhà nước đơn nhất có những đặc điểm chủ yếu nào?*
- a. Có chủ quyền chung, có sự thống nhất các đơn vị hành chính lãnh thổ.
 - b. Có hệ thống cơ quan Nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương.
 - c. Có một hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ quốc gia.
 - d. Tập hợp cả 3 đặc điểm nêu trên.

17. *Bản chất Nhà nước CHXHCN Việt Nam:*
- Là tính giai cấp công nhân.
 - Là tính Nhân dân.
 - Là tính dân tộc.
 - Là sự thống nhất tính giai cấp công nhân, tính Nhân dân và tính dân tộc.
18. *Tính giai cấp và tính xã hội của Nhà nước thể hiện:*
- Bản chất của Nhà nước
 - Kiểu Nhà nước
 - Hình thức của Nhà nước
 - Đặc trưng của Nhà nước
19. *“Nhà nước có quyền quy định và thu thuế dưới hình thức bắt buộc” là một trong những nội dung thể hiện:*
- Chức năng của Nhà nước
 - Bản chất của Nhà nước
 - Hình thức của Nhà nước
 - Đặc điểm của Nhà nước
20. *Chức năng của Nhà nước được hiểu là:*
- Toàn bộ hoạt động của Nhà nước
 - Hoạt động của từng cơ quan Nhà nước
 - Nhiệm vụ chiến lược lâu dài của Nhà nước
 - Những phương diện hoạt động cơ bản, chủ yếu của Nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ của Nhà nước
21. *Việc phân chia các kiểu Nhà nước trong lịch sử là căn cứ vào:*
- Hình thức chính thể của Nhà nước
 - Hình thái kinh tế xã hội
 - Cơ sở tư tưởng của giai cấp cầm quyền
 - Cơ sở xã hội của Nhà nước
22. *“Cách thức tổ chức Nhà nước và những phương pháp cơ bản để thực hiện quyền lực Nhà nước” thuộc về:*
- Hình thức Nhà nước
 - Chế độ chính trị
 - Hình thức chính thể
 - Hình thức cấu trúc Nhà nước

23. Sự cấu tạo Nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau là:
- Hình thức Nhà nước
 - Chế độ chính trị
 - Hình thức cấu trúc Nhà nước
 - Hình thức chính thể
24. Nhà nước có hình thức cấu trúc liên bang là:
- Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa
 - Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - Cộng hòa Liên bang Đức
 - Vương quốc Campuchia
25. Hiện nay Nhà nước Việt Nam phân chia lãnh thổ thành:
- 44 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - 54 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - 74 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
26. Nhà nước không có cấu trúc Nhà nước Liên bang là:
- Trung Quốc
 - Malaysia
 - Đức
 - Myanmar
27. Hình thức Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới góc độ chính thể là:
- Hình thức chính thể Quân chủ chuyên chế
 - Hình thức chính thể Cộng hòa Dân chủ tư sản
 - Hình thức chính thể Quân chủ lập hiến
 - Hình thức chính thể Cộng hòa Dân chủ Nhân dân
28. Sự cấu tạo Nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau là nội dung phản ánh:
- Chế độ thị tộc – bộ lạc
 - Hình thức cấu trúc Nhà nước
 - Chế độ chính trị
 - Chính thể Cộng hòa Dân chủ

29. Nhà nước đơn nhất và Nhà nước Liên bang khác nhau về:

- a. Số lượng dân cư
- b. Số lượng các đơn vị hành chính lãnh thổ
- c. Tổ chức chính quyền
- d. Chế độ chính trị

30. Theo quan điểm của học thuyết Mác - Lê nin khi đề cập tới nguồn gốc của Nhà nước cho rằng:

- a. Nhà nước là một gia tộc mở rộng, với quyền lực là quyền gia trưởng mở rộng.
- b. Nhà nước do Thượng đế sáng tạo ra, có quyền lực vĩnh cửu.
- c. Nhà nước là kết quả ký kết một khế ước của cộng đồng người lập ra.
- d. Nhà nước là sản phẩm tất yếu của những đối kháng giai cấp không thể điều hòa, do giai cấp nắm quyền lực về kinh tế tổ chức ra để bảo vệ lợi ích của giai cấp đó.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

1. Nguồn gốc của nhà nước

1.1. Thuyết Mác-xít về nguồn gốc nhà nước

Nghiên cứu về nguồn gốc nhà nước có khá nhiều học thuyết. Tiêu biểu trong số đó là học thuyết Mác-xít. Những tư tưởng lớn của học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc nhà nước là: (1) Nhà nước là một phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong; (2) Nhà nước là lực lượng nảy sinh từ xã hội, ngay trong lòng xã hội, là sản phẩm có điều kiện của xã hội loài người khi đời sống xã hội cần đến nhà nước, đồng thời có đủ khả năng nuôi nhà nước; (3) Điều kiện cần và đủ cho sự ra đời nhà nước là chế độ sở hữu tư nhân và sự phân hóa xã hội thành các giai cấp; (4) Nhà nước là sản phẩm tất yếu của những đối kháng giai cấp không thể điều hòa, do giai cấp nắm quyền lực về kinh tế tổ chức ra để bảo vệ lợi ích của giai cấp đó và giữ cho xã hội ở trong vòng trật tự; (5) Chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị và sự thống trị cũng chỉ kéo dài chừng nào mà nó còn thực hiện được chức năng xã hội đó của nó.

Chế độ cộng sản nguyên thủy và tổ chức thị tộc - bộ lạc

Chế độ cộng sản nguyên thủy là hình thái kinh tế - xã hội đầu tiên trong xã hội loài người, trong đó không tồn tại giai cấp và nhà nước.

Cơ sở kinh tế được đặc trưng bằng chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động đã quyết định hình thức và cách thức quản lý xã hội trong xã hội cộng sản nguyên thủy.

Tổ chức xã hội trong chế độ cộng sản nguyên thủy còn rất đơn giản, sơ khai, theo đó tế bào đầu tiên của xã hội là thị tộc. Thị tộc là hình thức tự quản đầu tiên ở mức độ thấp, còn đơn giản, bao gồm hội đồng thị tộc và tù trưởng. Quan hệ trong thị tộc: công bằng, bình đẳng, cùng làm, cùng hưởng. Các thị tộc sống gần nhau có cùng nguồn gốc tổ tiên hình thành nên các bộ lạc, trong đó có một thị tộc gốc tạo thành bộ lạc gọi là bào tộc.

Sự xuất hiện của nhà nước

Chế độ cộng sản nguyên thủy chưa có nhà nước, nhưng quá trình vận động và phát triển trong nó đã làm xuất hiện những tiền đề vật chất cho sự tan rã của tổ chức thị tộc bộ lạc và sự ra đời của nhà nước.

Tiền đề kinh tế cho sự ra đời nhà nước là chế độ tư hữu tài sản.

Tiền đề xã hội cho sự ra đời nhà nước là sự phân chia xã hội thành các giai cấp (hoặc chí ít là các tầng lớp xã hội) mà giữa giai cấp, tầng lớp đó, những lợi ích cơ bản đối kháng nhau đến mức không thể điều hòa được. Để điều hành và quản lý xã hội mới, đòi hỏi phải có một tổ chức mới. Tổ chức đó, là công cụ quyền lực của giai cấp nắm ưu thế về kinh tế và dĩ nhiên là tổ chức thực hiện sự thống trị, nhằm dập tắt sự xung đột công khai giữa các giai cấp, tầng lớp hoặc giữ chúng ở trong vòng trật tự, đó chính là nhà nước.

Lẽ tất nhiên, nhà nước không xuất hiện ngay một lúc. Quá trình này diễn ra chậm chạp, qua nhiều giai đoạn, trong đó các cơ quan quản lý thị tộc, bộ lạc chuyển hóa dần thành cơ quan nhà nước. Nghiên cứu quá trình xuất hiện nhà nước trong lịch sử, Ph. Ăngghen đã nêu ra ba phương thức điển hình của sự ra đời nhà nước ở châu Âu. Đó là sự ra đời của nhà nước Aten, nhà nước Giec-manh và nhà nước Rôma.

Tại Việt Nam, giới nghiên cứu lịch sử cho rằng nhà nước xuất hiện ở Việt Nam khá sớm. Đầu thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên, xã hội Việt cổ xuất hiện các tầng lớp dân cư nhưng sự khác nhau về lợi ích không rõ rệt và mâu thuẫn giữa các tầng lớp đó chưa

gay gắt. Khi xã hội diễn ra sự phân hóa rõ rệt, bộ máy quản lý ấy đã tách khỏi xã hội và đóng vai trò thống trị, đó là công cụ thống trị xã hội nhà nước ra đời vào khoảng thế kỷ 6 - 7 (trước công nguyên). Các nghiên cứu khẳng định rằng, nhà nước Việt Nam đầu tiên là nhà nước Văn Lang của các vua Hùng.

1.2. Một số học thuyết phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước

Thuyết gia trưởng

Những người chủ trương thuyết này cho rằng nhà nước là kết quả phát triển gia đình và quyền gia trưởng. Nói cách khác, nhà nước là một gia tộc mở rộng, quyền lực nhà nước là quyền gia trưởng mở rộng.

Thuyết thần quyền

Những người theo trường phái này cho rằng, Thượng đế là người sắp đặt trật tự xã hội, nhà nước là do Thượng đế sáng tạo ra, để bảo vệ trật tự chung, do vậy nhà nước là lực lượng siêu nhiên, quyền lực nhà nước là vĩnh cửu, và sự phục tùng quyền lực này là cần thiết và tất yếu.

Thuyết khế ước xã hội

Thuyết khế ước xã hội cho rằng con người sống trong thế giới tự nhiên và xã hội tự do, bình đẳng, nhưng mỗi người không tự bảo vệ được quyền lợi của mình một cách độc lập, thường bị những người khác xâm phạm. Vì vậy họ đã cùng nhau ký kết một khế ước (hợp đồng) để tổ chức ra nhà nước, sử dụng nhà nước bảo vệ quyền lợi của mỗi thành viên trong cộng đồng. Nhà nước xuất hiện là kết quả ký kết một khế ước của những con người sống trong trạng thái tự nhiên không có nhà nước. Do đó, nhà nước phản ánh lợi ích của các thành viên trong xã hội và mỗi thành viên đều có quyền yêu cầu nhà nước phục vụ họ, bảo vệ lợi ích của họ. Tiêu biểu cho những luận điểm về khế ước xã hội (dựa trên cơ sở thuyết pháp quyền tự nhiên) là thuyết khế ước xã hội của Jean-Jacques Rousseau⁽¹⁾. Theo thuyết này, nhà nước do cộng đồng người thỏa thuận lập ra và cộng đồng người có quyền hủy bỏ khế ước, lập ra khế ước mới và chính phủ mới.

1. Tác phẩm nổi tiếng của Jean-Jacques Rousseau *Bản về khế ước xã hội* do Thanh Đạm dịch đã được xuất bản ở Việt Nam từ đầu những năm 1990, cho đến nay đã tái bản khoảng 20 lần.

Có thể nói rằng, các học thuyết trên đây giải thích nguồn gốc nhà nước với tính cách là một hiện tượng xã hội đã tách rời nhà nước với quá trình vận động và phát triển của đời sống vật chất xã hội loài người, không nhìn thấy nguyên nhân vật chất của sự ra đời nhà nước. Theo họ, nhà nước là hiện tượng tồn tại mãi cùng xã hội loài người, là một tổ chức quyền lực của tất cả thành viên trong xã hội.

2. Nhà nước, đặc trưng và các kiểu nhà nước

2.1. Định nghĩa nhà nước

Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị tổ chức ra để trấn áp các giai cấp khác, thực hiện sự thống trị giai cấp nhằm duy trì, bảo vệ và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị xã hội.

2.2. Đặc trưng của nhà nước

Đặc trưng của nhà nước là những dấu hiệu cơ bản, riêng có của nhà nước, giúp phân biệt nhà nước với các cơ quan quản lý trong xã hội như thị tộc - bộ lạc và các thiết chế khác trong xã hội có giai cấp.

Nhà nước có 5 dấu hiệu đặc trưng sau:

Một là, nhà nước mang quyền lực công, có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và quản lý đời sống xã hội.

Quyền lực nhà nước là hình thức đặc biệt của quyền lực chính trị, được thực hiện bởi hệ thống cơ quan nhà nước, bằng phương thức hoạt động của nhà nước, biểu hiện ở thẩm quyền của nhà nước; được ghi nhận và bảo đảm bởi pháp luật; có sức mạnh cưỡng chế và khả năng tác động tới toàn bộ dân cư, tất cả các tổ chức trên phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Bộ máy nhà nước được cấu thành từ các cơ quan nhà nước, không hòa nhập với dân cư và độc lập với các thiết chế của xã hội. Nhà nước có một tầng lớp người đặc biệt chuyên làm công việc nhà nước, thực hiện chức năng thống trị giai cấp và chức năng xã hội của nhà nước.

Hai là, nhà nước có lãnh thổ, phân chia và thực hiện sự quản lý dân cư theo đơn vị hành chính - lãnh thổ.

Lãnh thổ, dân cư là yếu tố cấu thành quốc gia - nhà nước. Quyền lực nhà nước được thực hiện trên toàn bộ lãnh thổ nhà nước. Dấu hiệu về lãnh thổ là cơ sở của chế định quốc tịch - chế

định quy định sự lệ thuộc của công dân vào một nhà nước và một lãnh thổ nhất định.

Nhà nước phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính và thực hiện sự quản lý dân cư theo đơn vị hành chính không phụ thuộc vào chính kiến, huyết thống, nghề nghiệp, giới tính.

Cách bố trí, cấu trúc lãnh thổ phản ánh quyền lực chính trị của tổ chức bộ máy nhà nước. Biên giới lãnh thổ giữa các nhà nước, địa giới bên trong quốc gia đều rất quan trọng, tạo nên một nhà nước có thiết chế chặt chẽ và lợi ích của nhà nước về lãnh thổ liên quan với tập hợp những lợi ích về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối nội, đối ngoại của nhà nước và lợi ích của dân cư.

Ba là, nhà nước có chủ quyền quốc gia

Chủ quyền quốc gia mang nội dung chính trị - pháp lý, thể hiện ở quyền tự quyết của nhà nước về tất cả các vấn đề thuộc chính sách đối nội và đối ngoại không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài.

Chủ quyền quốc gia có tính tối cao, thể hiện ở chỗ quyền lực nhà nước có hiệu lực trên toàn bộ đất nước, đối với tất cả dân cư và các tổ chức xã hội, không trừ một ai.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, chủ quyền quốc gia được tiếp cận theo giác độ mới. Bảo vệ chủ quyền quốc gia không đồng nhất với đóng cửa không giao lưu với các quốc gia và các tổ chức quốc tế khác. Mỗi quốc gia hội nhập quốc tế phù hợp với đường lối chính trị và lợi ích của đất nước, bản sắc dân tộc quốc gia mình.

Bốn là, nhà nước ban hành luật và thực hiện sự quản lý bắt buộc đối với mọi công dân.

Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành luật. Nhà nước thực hiện quản lý dân cư và các hoạt động xã hội bằng pháp luật. Pháp luật có tính bắt buộc chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện trên thực tế với các biện pháp tổ chức, cưỡng chế, thuyết phục.

Năm là, nhà nước có quyền định ra và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.

Nhà nước đặt ra khoản đóng góp bắt buộc (thuế) và thực hiện thu dưới hình thức nhất định theo quy định của pháp luật. Thuế là nguồn thu chủ yếu của nhà nước để cung cấp tài chính cho ngân sách nhà

nước, duy trì hoạt động của bộ máy chuyên làm nhiệm vụ quản lý và cưỡng chế. Trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước còn sử dụng chính sách thuế để phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giải quyết các vấn đề phúc lợi xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội.

2.3. Các kiểu nhà nước

Các nhà nước trong các thời kỳ phát triển khác nhau của lịch sử loài người có bản chất cụ thể khác nhau, kiểu nhà nước là một khái niệm giúp chúng ta nhận thức cụ thể, sâu sắc sự khác nhau về tính chất giai cấp, vai trò xã hội và những đặc trưng trong các nhà nước ở những thời kỳ lịch sử khác nhau đó. Kiểu nhà nước là khái niệm quan trọng trong lý luận về nhà nước và pháp luật đại cương.

Nhà nước là một bộ phận quan trọng nhất thuộc kiến trúc thượng tầng. Bản chất, chức năng, nhiệm vụ, bộ máy nhà nước suy cho cùng, do cơ sở kinh tế - xã hội quy định. Mỗi phương thức sản xuất nhất định với kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng có một kiểu nhà nước tương ứng. Lịch sử xã hội loài người cho đến nay đã trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội trong đó có 4 hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp và tương ứng có 4 kiểu nhà nước: *nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa.*

Nghiên cứu khái niệm *kiểu nhà nước* giúp chúng ta hiểu đầy đủ hơn nội dung, bản chất của quyền lực nhà nước, biết được một nhà nước cụ thể nào đó là của giai cấp nào, bảo vệ và phục vụ trước hết lợi ích giai cấp nào trong xã hội.

Kiểu nhà nước là tổng thể những đặc điểm cơ bản trong nhà nước thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội, những điều kiện phát sinh, tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Mỗi kiểu lịch sử của nhà nước có những đặc điểm riêng biệt về bản chất, chức năng, nhưng kiểu nhà nước chủ nô, kiểu nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản đều có đặc điểm chung là kiểu nhà nước bóc lột. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới và cuối cùng trong lịch sử được xây dựng trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

Sự thay thế kiểu nhà nước diễn ra thông qua cách mạng xã hội mà kết quả là kiểu nhà nước sau bao giờ cũng tiến bộ và hoàn thiện hơn kiểu nhà nước trước. Đó là quy luật phát triển trong lịch sử. Nhưng sự thay thế kiểu nhà nước không phải là quá trình tự nó, giai cấp thống trị đại biểu cho phương thức sản xuất cũ không bao giờ tự rời bỏ nhà nước và địa vị thống trị của mình, bởi vậy giai cấp đại biểu cho phương thức sản xuất mới phải tập hợp lực lượng để lật đổ kiểu nhà nước cũ, thiết lập kiểu nhà nước mới.

• Kiểu nhà nước chủ nô

Kiểu nhà nước chủ nô là kiểu nhà nước đầu tiên trong lịch sử, ra đời khi chế độ thị tộc - bộ lạc tan rã, tư hữu tài sản xuất hiện, sự phân hóa xã hội thành giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể nào điều hòa được. Cơ sở kinh tế của nhà nước chủ nô là chế độ sở hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất và nô lệ. Trong xã hội chủ nô có hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác. Chủ nô là một bộ phận thiểu số của xã hội nhưng nắm trong tay toàn bộ tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, còn nô lệ là lực lượng chủ yếu sản xuất ra của cải vật chất nhưng chỉ là “công cụ biết nói” trong tay chủ nô, phụ thuộc hoàn toàn vào chủ nô.

Nhà nước chủ nô, xét về bản chất là công cụ bạo lực để thực hiện nền chuyên chính của giai cấp chủ nô, duy trì sự thống trị và bảo vệ lợi ích của chủ nô, đàn áp nô lệ và những người lao động khác.

Chức năng đối ngoại nổi bật trong nhà nước chủ nô là tiến hành chiến tranh xâm lược, bằng chiến tranh giai cấp chủ nô thực hiện khát vọng làm giàu, cướp bóc của cải, bắt tù binh bổ sung vào đội quân nô lệ và mở rộng phạm vi thống trị.

Bộ máy nhà nước chủ nô còn đơn giản, mang nhiều dấu ấn tổ chức thị tộc. Chủ nô đồng thời là người lãnh đạo quân sự và nhà chức trách. Sau này bộ máy nhà nước phát triển hơn trong đó cảnh sát, quân đội, tòa án là những bộ phận chủ yếu cấu thành bộ máy nhà nước⁽¹⁾.

1. Các nhà sử học đã khẳng định ở Việt Nam, trong lịch sử không tồn tại kiểu nhà nước chủ nô, không tồn tại hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ.

• Kiểu nhà nước phong kiến

Cơ sở kinh tế của nhà nước phong kiến là chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ phong kiến đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất. Người nông dân không có hoặc rất ít ruộng đất nên phải phụ thuộc vào địa chủ phong kiến. Xã hội phong kiến có kết cấu giai cấp phức tạp, địa chủ và nông dân là hai giai cấp chính. Ngoài ra trong xã hội còn có tầng lớp thợ thủ công, thương nhân. Về bản chất, nhà nước phong kiến là công cụ trong tay giai cấp địa chủ để thực hiện chuyên chính đối với giai cấp nông dân, những thợ thủ công và các tầng lớp lao động khác, là phương tiện để duy trì địa vị kinh tế, bảo vệ lợi ích và sự thống trị của giai cấp địa chủ phong kiến.

• Kiểu nhà nước tư sản

Nhà nước tư sản là kiểu nhà nước bóc lột cuối cùng trong lịch sử, là công cụ duy trì nền thống trị của giai cấp tư sản đối với các tầng lớp nhân dân lao động.

Cơ sở kinh tế trong nhà nước tư sản là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư. Đối tượng sở hữu của quan hệ sản xuất của tư bản chủ nghĩa chủ yếu là công xưởng, hầm mỏ, nhà máy, đồn điền với phương thức bóc lột giá trị thặng dư.

Cơ cấu giai cấp trong xã hội tư sản gồm hai giai cấp chính là tư sản và vô sản. Bên cạnh hai giai cấp chính, xã hội tư sản còn có nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau như giai cấp nông dân, tầng lớp tiểu tư sản, tầng lớp trí thức.

Bộ máy nhà nước tư sản được tổ chức theo nguyên tắc phân quyền và đối trọng. Quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Ba quyền này nằm trong tay ba cơ quan khác nhau. Quyền lập pháp được giao cho nghị viện, quyền hành pháp giao cho chính phủ, quyền tư pháp (xét xử) được giao cho tòa án. Ba cơ quan này thực hành quyền lực một cách độc lập trong một cơ chế kiểm soát, khống chế lẫn nhau.

• Nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước cuối cùng của xã hội loài người. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa mang tính

tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật vận động và phát triển của xã hội⁽¹⁾.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới có bản chất khác với các kiểu nhà nước bóc lột. Bản chất đó do cơ sở kinh tế - xã hội và đặc điểm về tổ chức thực hiện quyền lực chính trị trong chủ nghĩa xã hội quy định. Cơ sở kinh tế trong nhà nước xã hội chủ nghĩa là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu tư liệu sản xuất.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội. Bộ máy cưỡng chế của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng có đặc điểm và bản chất khác. Đó là bộ máy cưỡng chế của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để đàn áp sự phản kháng của tầng lớp bóc lột cũ đã bị lật đổ và các lực lượng chống đối khác để giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

3. Hình thức nhà nước

Hình thức nhà nước là một trong những khái niệm cơ bản của khoa học về nhà nước, phản ánh cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của mỗi kiểu nhà nước trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Hình thức nhà nước bao gồm hình thức chính thể và hình thức cấu trúc nhà nước.

3.1. Hình thức chính thể

Là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ của các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này. Có hai dạng chính thể chủ yếu là chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa. Trong nhà nước quân chủ, quyền lực nhà nước tối cao tập trung vào tay một người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế (vua, quốc vương, hoàng đế)⁽²⁾. Ở nhà nước cộng hòa, quyền lực nhà nước tối cao thuộc

1. Theo quan điểm của V.I. Lênin, nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ là "một nửa nhà nước", chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Khi chủ nghĩa cộng sản được thiết lập, nhà nước sẽ tiêu vong.
2. Còn gọi là *cha truyền con nối*, nghĩa là kế tục chức tước, địa vị, cha trước con sau nối tiếp từ đời này sang đời khác. Đây là một tục lệ của chế độ quân chủ chuyên chế. Thời phong kiến, không chỉ ở nước ta mà ở nhiều nước trên thế giới đều có hiện tượng này. Câu thành ngữ này chỉ rõ cha làm vua, làm quan sẽ truyền ngôi, truyền chức vị lại cho con.

về một cơ quan tập thể được bầu ra trong thời hạn nhất định (ví dụ: Nghị viện của nhà nước cộng hòa tư sản, Quốc hội của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Chính thể quân chủ lại được chia thành chính thể quân chủ tuyệt đối và chính thể quân chủ hạn chế⁽¹⁾. Trong nhà nước quân chủ tuyệt đối, người đứng đầu nhà nước có quyền lực vô hạn, còn trong nhà nước quân chủ hạn chế, quyền lực tối cao của nhà nước được phân chia cho người đứng đầu nhà nước và một cơ quan nhà nước khác. Hiện nay, tuyệt đại đa số các nước có chế độ quân chủ đều có hình thức chính thể quân chủ lập hiến, ví dụ: chế độ quân chủ lập hiến ở Nhật Bản, Anh, Thái Lan, Malaysia.... Ở các nước này, nhà vua được coi là nguyên thủ quốc gia, là biểu tượng của Quốc gia⁽²⁾, "*Nhà vua trị vì nhưng không cai trị*".

Chính thể cộng hòa cũng có hai loại: Cộng hòa dân chủ và cộng hòa quý tộc. Trong nhà nước cộng hòa dân chủ, pháp luật quy định quyền của công dân tham gia bầu cử để thành lập các cơ quan đại diện của nhà nước. Trong các nhà nước cộng hòa quý tộc (dưới chế độ nô lệ và chế độ phong kiến) quyền tham gia bầu cử để thành lập các cơ quan đại diện của nhà nước chỉ dành riêng cho giới quý tộc và quyền đó được quy định cụ thể trong luật pháp.

Hiện nay chính thể cộng hòa được chia thành hai loại: Cộng hòa tổng thống và Cộng hòa đại nghị.

Cộng hòa tổng thống là chính thể cộng hòa mà Tổng thống được trao các quyền hành rất lớn, vừa đứng đầu nhà nước, vừa đứng đầu chính phủ. Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, không phụ thuộc vào bầu cử cơ quan lập pháp. Là hình thức chính thể mà ở đó quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc phân chia quyền lực. Cơ quan lập pháp không có quyền giải tán chính phủ và ngược lại Tổng thống không có quyền giải tán cơ quan lập pháp. Chính thể cộng hòa Tổng thống được coi là tiêu biểu hiện nay là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Chính thể cộng hòa đại nghị là chính thể được tổ chức ở những nhà nước có nguyên thủ quốc gia do Nghị viện bầu ra, Chính phủ do

1. Hiện nay, trên thế giới không còn quốc gia nào có chính thể quân chủ tuyệt đối (chuyên chế).
2. Vẫn theo truyền thống cha truyền con nối, dòng dõi hoàng tộc.

Thủ tướng đứng đầu không chịu trách nhiệm trước nguyên thủ quốc gia, mà chỉ chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Về mối quan hệ giữa nguyên thủ quốc gia với chính phủ, đa số các nước tư sản theo loại hình chính thể cộng hòa đại nghị đều quy định Tổng thống có quyền bổ nhiệm người đứng đầu chính phủ. Nguyên thủ quốc gia của chính thể này được thành lập dựa trên cơ sở của Nghị viện, do Nghị viện bầu ra, hoặc dựa trên cơ sở của Nghị viện (có thêm các thành phần khác như là đại diện của các lãnh địa trực thuộc), mà không do nhân dân trực tiếp bầu ra. Chính việc không do nhân dân trực tiếp bầu ra Tổng thống là nguyên nhân không cho phép nguyên thủ quốc gia có thực quyền.

3.2. Hình thức cấu trúc nhà nước

Có thể hiểu hình thức cấu trúc của nhà nước là sự tổ chức nhà nước theo các đơn vị hành chính, lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước, giữa cơ quan nhà nước trung ương với các cơ quan nhà nước ở địa phương.

Hình thức cấu trúc của nhà nước có hai dạng là nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang.

Nhà nước đơn nhất là nhà nước có chủ quyền chung, có lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất, các bộ phận hợp thành nhà nước là các đơn vị hành chính lãnh thổ không có chủ quyền; có một hệ thống cơ quan nhà nước (cơ quan quyền lực, cơ quan hành chính, cơ quan cưỡng chế) thống nhất từ trung ương đến địa phương; có một hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ quốc gia; công dân có một quốc tịch. Những nhà nước có hình thức đơn nhất hiện nay như: Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Singapore, Pháp...

Thông thường, trong nhà nước đơn nhất, quyền lực nhà nước tập trung vào chính quyền trung ương. Ở các mức độ khác nhau, quyền lực nhà nước được phân cấp giữa chính quyền trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật. Việc giao quyền cho các cấp chính quyền địa phương chủ yếu được thực hiện về mặt quản lý hành chính, không bao hàm sự phân chia các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp nhằm đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước được thông suốt trong cả nước. Tuy nhiên, trên thế giới hiện nay đang xuất hiện ngày

càng phổ biến xu hướng trao quyền tự quản rộng rãi cho cấp địa phương trong các quốc gia đơn nhất⁽¹⁾.

Trung Quốc là nhà nước đơn nhất, nhưng lại có các đơn vị hành chính đặc thù với nguyên tắc “*Một quốc gia, hai chế độ*”. Trong số các đơn vị hành chính đặc thù đó, phải nói tới Hồng Kông. Hồng Kông không phải là chủ thể của nhà nước liên bang mà là *Đặc khu hành chính* trong nhà nước đơn nhất Trung Quốc. Cùng một dạng thức như Hồng Kông còn có Đặc khu hành chính Ma Cao. Ngoài ra, Trung Quốc còn có các khu tự trị (Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, Khu tự trị dân tộc Hồi Ninh Hạ, Khu tự trị Nội Mông, Khu tự trị Tây Tạng).

Nhà nước liên bang gồm hai hay nhiều tiểu bang hợp thành. Nhà nước liên bang có một số đặc điểm là: có chủ quyền chung của liên bang, đồng thời mỗi tiểu bang cũng có chủ quyền riêng; có hai hệ thống các cơ quan nhà nước: một trong nhà nước liên bang, một trong các tiểu bang; có hai hệ thống pháp luật của nhà nước liên bang và hệ thống pháp luật của các tiểu bang, công dân có hai quốc tịch. Những nhà nước liên bang hiện nay như: Liên bang Nga, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Đức, Liên bang Malaysia...

Trong nhà nước liên bang, chính quyền liên bang nắm giữ quyền lực tối cao, quyết định về an ninh, quốc phòng và đối ngoại, thi hành quyền kiểm soát có giới hạn đối với tổ chức và hoạt động của chính quyền các tiểu bang. Pháp luật của liên bang thường được đa dạng hóa cho phù hợp với sự đa dạng và lợi ích của các bang. Tuy nhiên, các tiểu bang thường đòi hỏi được nắm giữ quyền quyết định mọi vấn đề ở địa phương. Do đó, trong các chính sách, pháp luật, các nhà nước liên bang thường phải tìm mọi cách tối ưu để duy trì quyền lực thống nhất và lợi ích chung của toàn liên bang⁽²⁾.

1. Trước đây Việt Nam từng có hai khu tự trị: Khu tự trị Thái - Mèo (sau đổi tên thành Khu tự trị Tây Bắc) được thành lập theo Sắc lệnh số 230-SL ngày 29 tháng 4 năm 1955; Khu tự trị Việt Bắc được thành lập theo Sắc lệnh số 268-SL ngày 1 tháng 7 năm 1956 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cả hai Khu tự trị này tồn tại cho tới ngày 27 tháng 12 năm 1975 thì giải thể, đồng thời những quy định trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959 về cấp Khu tự trị cũng bị bãi bỏ theo Quyết định của Quốc hội khóa V, tại Kỳ họp thứ 2.
2. Một đặc điểm quan trọng dễ nhận thấy là, trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước, chỉ Chính phủ liên bang mới có một số Bộ mà các tiểu bang không có. Đó là Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng.

4. Bản chất và chức năng của nhà nước

4.1. Bản chất của nhà nước

Bản chất của nhà nước được thể hiện trên hai phương diện là tính giai cấp và tính xã hội. Bất kỳ nhà nước nào cũng đều có hai thuộc tính này. Sở dĩ như vậy vì nhà nước xuất hiện vừa do nhu cầu của sự thống trị giai cấp, vừa do nhu cầu quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thông thường, nhà nước thể hiện bản chất của giai cấp thống trị trong xã hội. Nhà nước chủ nô thể hiện bản chất của giai cấp chủ nô; nhà nước phong kiến thể hiện bản chất của giai cấp địa chủ và nhà nước tư sản thể hiện bản chất của giai cấp tư sản.

4.1.1. Tính giai cấp của nhà nước

Nhà nước nào cũng mang tính giai cấp. Theo V. I. Lênin, “*Vì nhà nước xuất hiện từ sự cần thiết phải kiểm chế sự đối lập giữa các giai cấp; vì nhà nước đồng thời cũng xuất hiện chính trong những cuộc xung đột giữa các giai cấp ấy, cho nên theo qui luật chung, nó là nhà nước của giai cấp mạnh nhất, giữ địa vị thống trị về kinh tế và nhờ có nhà nước, giai cấp này cũng trở thành giai cấp thống trị về mặt chính trị và do đó có thêm được những phương thức mới để trấn áp và bóc lột giai cấp bị áp bức*”⁽¹⁾. Nhà nước có tính giai cấp vì giai cấp và đấu tranh giai cấp là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự hình thành nhà nước. Bên cạnh đó, nhà nước còn là công cụ quan trọng để trấn áp giai cấp. Sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác thể hiện chủ yếu trên ba lĩnh vực: thống trị về kinh tế, thống trị về chính trị và thống trị về tư tưởng.

4.1.2. Tính xã hội của nhà nước

Song song với việc bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, nhà nước còn có nhu cầu quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội ở những mức độ, phạm vi khác nhau giữa các nhà nước và trong từng giai đoạn phát triển của mỗi nhà nước. Lịch sử cho thấy, tất cả các nhà nước từ cổ đại đến hiện đại không chỉ bảo vệ lợi ích căn bản của giai cấp cầm quyền mà còn bảo vệ lợi ích của những giai cấp còn lại trong xã hội khi những lợi ích đó không mâu thuẫn, đối lập với lợi ích của giai cấp cầm quyền. Theo đó nhà nước được coi là “đại lượng” của toàn xã

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, (1976) tập 33, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, tr. 9, 141.

hội, là một tổ chức đại diện chính thức cho toàn xã hội, là một công cụ, phương tiện để tổ chức, điều hành và quản lý xã hội, thực hiện chức năng, nhiệm vụ vì sự phát triển chung của xã hội. Tính xã hội của nhà nước được thể hiện thông qua các hoạt động quản lý kinh tế, văn hóa, giáo dục, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội... Nhà nước có tính xã hội bởi nhà nước ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý các công việc chung của xã hội và là công cụ quan trọng nhất để quản lý xã hội.

Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Điều 2 Hiến pháp 2013 quy định:

1. Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.
2. Nước CHXHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.
3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam là sự thống nhất giữa tính giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc (tính nhân dân và tính dân tộc nói lên thuộc tính xã hội của nhà nước ta).

Tính chất giai cấp công nhân của nhà nước ta thể hiện: 1) Nhà nước do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập ra; 2) Nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam; 3) Bộ máy nhà nước tổ chức và hoạt động trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và là công cụ để thực hiện đường lối chính trị, mục tiêu chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng; 4) Nền tảng của nhà nước là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Tính nhân dân của nhà nước ta thể hiện: 1) Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước; 2) Bộ máy nhà nước do nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp tổ chức ra và chịu sự giám sát của nhân dân; 3) Nhà nước tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình

đảng, tôn trọng giữa nhà nước và công dân; 4) Nhà nước tập trung giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội thông qua hoạt động quản lý kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và các chính sách xã hội nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân về mọi mặt, bảo đảm an toàn tính mạng, thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của con người; 5) Nhà nước nghiêm trị mọi hành động xâm phạm đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Tính dân tộc của nhà nước ta thể hiện: 1) Nhà nước ta là nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết các dân tộc anh em; 2) Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, kỳ thị dân tộc; 3) Nhà nước chăm lo phát triển về mọi mặt nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Cơ sở của sự thống nhất giữa tính giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc trong bản chất nhà nước ta xuất phát từ sự tương đồng trong mục tiêu chính trị của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân và của toàn dân tộc.

Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, quyền lực nhà nước không nằm trong tay một cá nhân hay một nhóm người nào trong xã hội. Nhân dân mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân, nhân dân và tầng lớp trí thức thực hiện quyền lực nhà nước dưới nhiều hình thức; trong đó hình thức cơ bản nhất là thông qua quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Nhân dân còn sử dụng quyền lực nhà nước qua kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, trực tiếp trình bày các yêu cầu, kiến nghị của mình với các cơ quan nhà nước.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước của tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung khối đại đoàn kết các dân tộc. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm những hành động chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, gìn giữ bản sắc dân tộc, phát huy những truyền thống và các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình.

Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa công dân với nhà nước. Công dân có đầy đủ quyền tự do, dân chủ trên các lĩnh vực đời sống xã hội, đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước. Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng các quyền của công dân và đưa ra các đảm bảo thực tế cho các quyền của công dân được thực hiện. Công dân có nghĩa vụ đối với nhà nước và nhà nước cũng có nghĩa vụ đối với công dân.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước dân chủ rộng rãi và thực sự. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là thuộc tính của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Về kinh tế, nhà nước chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật. Kinh tế thị trường với nhiều hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng, là phương tiện để nhà nước đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

4.2. Chức năng của nhà nước

Chức năng của nhà nước chính là những phương diện hoạt động của nhà nước trong việc thực hiện những nhiệm vụ của nhà nước. Chức năng của nhà nước được quyết định bởi bản chất của nhà nước: Bảo vệ và duy trì địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội, trấn áp sự phản kháng của giai cấp bị trị. Nói cách khác, chức năng nhà nước là hoạt động nhà nước cơ bản nhất, mang tính thường xuyên, liên tục, ổn định tương đối, xuất phát từ bản chất, cơ sở kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chiến lược, mục tiêu cơ bản của nhà nước và có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà nước.

Xuất phát từ bản chất của nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân nên nhà nước ta thực hiện các chức năng sau đây:

4.2.1. Chức năng đối nội

Thứ nhất, chức năng kinh tế

Chức năng này thay đổi về chất và nội dung qua từng giai đoạn lịch sử. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, nhiều thành phần và

theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò và chức năng kinh tế của nhà nước đã có sự thay đổi căn bản. Trước nhu cầu của cơ chế kinh tế mới, chức năng kinh tế của nhà nước ta nhằm vào sự giải quyết các nhiệm vụ quan trọng sau đây: Tạo lập (và) đảm bảo sự ổn định và bầu không khí xã hội lành mạnh để giải phóng tất cả các tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; xây dựng và đảm bảo các điều kiện chính trị, xã hội, pháp luật, tổ chức cần thiết cho sự bình đẳng và khả năng phát triển có hiệu quả của tất cả các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân; củng cố, phát triển các hình thức sở hữu với phương châm bảo đảm vai trò chủ đạo của sở hữu quốc doanh và sở hữu tập thể.

Nội dung cơ bản của chức năng kinh tế của Nhà nước CHXHCN Việt Nam có thể khái quát ở những vấn đề sau: Xây dựng và thông qua các chương trình phát triển kinh tế ngắn hạn và dài hạn; tổ chức thực hiện một chính sách tài chính tiền tệ hợp lý, đảm bảo giá trị của đồng tiền quốc gia; xây dựng và thực hiện một chính sách đầu tư hợp lý, xác định các lĩnh vực được ưu tiên đầu tư; Nhà nước áp dụng các biện pháp để bảo vệ sản xuất trong nước, chống độc quyền, làm hàng giả; phương pháp tác động của nhà nước đối với kinh tế không còn là các biện pháp hành chính mà chủ yếu là các biện pháp đòn bẩy kinh tế và được bảo đảm thực hiện bằng pháp luật.

Thứ hai, chức năng xã hội

Chức năng xã hội của nhà nước thể hiện ở việc nhà nước thực hiện các nhiệm vụ sau: Nhà nước xem phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; Nhà nước đầu tư phát triển và thống nhất quản lý sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của nhân dân; Nhà nước tạo mọi điều kiện để mỗi công dân có năng lực lao động thực hiện được quyền làm việc; Nhà nước có chính sách chăm lo, giúp đỡ những người về hưu, những người già yếu cô đơn; Nhà nước chủ động tìm các biện pháp để giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh như trẻ em lang thang, các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm...

Chức năng xã hội của Nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện bản chất nhân đạo của nhà nước, phù hợp với truyền thống đạo đức và văn hóa của dân tộc ta.

Thứ ba, chức năng bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân.

Sự phát triển của đất nước trong các điều kiện hiện nay đòi hỏi nhà nước phải ưu tiên áp dụng các biện pháp mạnh mẽ bảo đảm sự ổn định về an ninh chính trị, kiên quyết chống lại mọi ý đồ, mọi hành vi nhằm gây mất ổn định an ninh chính trị, cản trở sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước. Việc bảo vệ, đảm bảo các quyền tự do dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân thể hiện bản chất dân chủ và nhân đạo của nhà nước ta. Bảo vệ trật tự an toàn xã hội, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một trong những đòi hỏi bức thiết đối với sự nghiệp đổi mới.

4.2.2. Chức năng đối ngoại

Hoạt động đối ngoại của nhà nước là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc tạo ra các điều kiện quốc tế thuận lợi, nhằm góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa mọi nguy cơ xâm lăng từ các quốc gia bên ngoài.

Để thực hiện nhiệm vụ này, Nhà nước CHXHCN Việt Nam luôn chú ý chăm lo xây dựng và củng cố khả năng quốc phòng của đất nước. Tiềm năng quốc phòng của đất nước là yếu tố đảm bảo cho quốc gia về khả năng phòng thủ hiệu quả và chống trả kịp thời mọi âm mưu xâm lược, thôn tính từ các lực lượng thù địch, các dã tâm đế quốc bên ngoài.

Nhà nước ta kiên trì theo đuổi mục tiêu thiết lập, củng cố và phát triển các mối quan hệ hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi; thiết lập và tăng cường các nỗ lực chung trong cuộc đấu tranh vì một trật tự thế giới mới, vì sự hợp tác bình đẳng và dân chủ, vì hòa bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

5. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

5.1. Khái niệm bộ máy nhà nước

Bộ máy nhà nước là tổng thể các cơ quan nhà nước được xây dựng theo những nguyên tắc thống nhất nhất định, được trang bị các

phương tiện phụ trợ vật chất cần thiết và thông qua đó thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

Bộ máy nhà nước không phải một tập hợp đơn giản các cơ quan nhà nước, mà là một hệ thống thống nhất các cơ quan có mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau và vận hành theo những nguyên tắc nhất định.

Bộ máy nhà nước là một cơ cấu phức tạp trong đó mỗi cơ quan nhà nước có vị trí, vai trò khác nhau, có những mối liên hệ chặt chẽ theo thứ bậc.

Như vậy, nếu xét về cơ cấu thì bộ máy nhà nước bao gồm hai bộ phận: Các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước; các yếu tố phụ trợ vật chất bảo đảm việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa của Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung thống nhất quyền lực nhưng có sự phân công một cách khoa học, cụ thể. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là: Quyền lực nhà nước tập trung thống nhất trong tay nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua các cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân, mà cao nhất là Quốc hội. Tất cả các cơ quan khác của nhà nước đều bắt nguồn từ cơ quan quyền lực của nhà nước và chịu trách nhiệm trước các cơ quan đó. Tuy được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền, nhưng trong bộ máy nhà nước của ta có sự phân công rành mạch giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và các cơ quan khác nhằm tránh sự chống chéo, mâu thuẫn, lẫn lộn giữa ba quyền cũng như các chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, bảo đảm phối kết hợp có hiệu quả giữa các cơ quan với nhau.

Như vậy, bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương xuống cơ sở, được tổ chức theo những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Nguyên tắc tổ chức của bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa là những tư tưởng chỉ đạo làm nền tảng cho tổ chức và hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước và toàn bộ bộ máy nhà nước. Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam được tổ chức theo các nguyên tắc sau đây: 1) Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với nhà nước (Điều 4, Hiến pháp 2013). Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là sự lãnh đạo chính trị, Đảng đề ra đường lối chính trị (cương lĩnh, chiến lược...) những chủ trương, phương hướng lớn, những vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy nhà nước và thông qua nhà nước, chúng được thể chế hóa thành pháp luật; 2) Nguyên tắc tập trung dân chủ (Điều 8, Hiến pháp 2013); 3) Nguyên tắc thu hút rộng rãi nhân dân lao động tham gia quản lý nhà nước (Điều 28, Hiến pháp 2013); 4) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Điều 2, Hiến pháp 2013).

5.3. Hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng của các cơ quan nhà nước (cách phân loại thông dụng trong khoa học pháp lý hiện đại) thì bộ máy nhà nước Việt Nam được chia làm bốn hệ thống cơ quan nhà nước, gồm: 1) Hệ thống cơ quan đại diện và quyền lực (Quốc hội và HĐND các cấp); 2) Hệ thống cơ quan chấp hành và hành chính nhà nước (Chính phủ và UBND các cấp); 3) Hệ thống cơ quan xét xử (TAND tối cao, TAND các cấp và Tòa án quân sự); 4) Hệ thống cơ quan kiểm sát (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Viện Kiểm sát quân sự).

Theo cách phân loại này, Chủ tịch nước không thuộc một trong bốn hệ thống cơ quan nhà nước mà là loại cơ quan độc lập, giữ vai trò phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước.

Căn cứ vào cơ cấu, vị trí, chức năng, mối liên hệ giữa các cơ quan nhà nước (cách phân loại của Hiến pháp 2013) thì bộ máy nhà nước Việt Nam gồm: 1) Quốc hội; 2) Chủ tịch nước; 3) Chính phủ; 4) TAND; 5) VKSND; 6) Chính quyền địa phương; 7) Các thiết chế hiến định độc lập (Hội đồng bầu cử Quốc gia, Kiểm toán nhà nước).

5.4. Bộ máy nhà nước Việt Nam theo Hiến pháp 2013

• Quốc hội

Địa vị pháp lý của Quốc hội được ghi nhận trong chương V Hiến pháp 2013.

Quốc hội là "cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước" (Điều 69, Hiến pháp 2013).

Từ qui định trên cho thấy, Quốc hội là cơ quan vừa có tính đại diện vừa mang tính quyền lực.

Tính đại diện: Quốc hội do cử tri toàn quốc trực tiếp bầu ra, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cử tri cả nước; Quốc hội, thông qua các đại biểu Quốc hội phải chịu sự giám sát của cử tri, thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri; biến ý chí, nguyện vọng chính đáng của cử tri thành những quyết sách của Quốc hội.

Tính quyền lực: Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội cũng lập ra các cơ quan khác của bộ máy nhà nước và có quyền giám sát đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước.

Quốc hội có 15 nhiệm vụ, quyền hạn, được quy định cụ thể tại Điều 70 Hiến pháp 2013. Nội dung Điều 70 có nhiều điểm mới, cụ thể, rõ ràng hơn so với quy định tại Điều 83 Hiến pháp 1992.

Quốc hội có nhiệm kỳ mỗi khóa là 5 năm. Quốc hội được cấu thành từ hai thành tố trụ cột chính là Đại biểu Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Các cơ quan của Quốc hội bao gồm: Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Đặc biệt, để tăng cường chức năng giám sát tối cao của Quốc hội, Hiến pháp 2013 đã chính thức ghi nhận một Ủy ban lâm thời của Quốc hội để giúp Quốc hội điều tra một vấn đề nhất định hoặc nghiên cứu, thẩm tra một dự án luật mà không thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban hay Hội đồng Dân tộc (Điều 78).

Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và nhân dân cả nước. Đoàn đại biểu Quốc hội là hình thức sinh hoạt của đại biểu, tạo điều kiện cho đại biểu hoạt động một cách thuận lợi. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu Quốc hội được quy định cụ thể từ Điều 79 đến Điều 82 Hiến pháp 2013.

Quốc hội có quyền ban hành các loại văn bản: Hiến pháp, Luật (Bộ luật), Nghị quyết. Việc xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi Hiến pháp tuân theo trình tự thủ tục đặc biệt. Việc ban hành Nghị quyết và Luật thực hiện tại các kỳ họp của Quốc hội theo thủ tục thông thường.

• Chủ tịch nước

Địa vị pháp lý của Chủ tịch nước được ghi nhận trong chương VI và một số Điều có liên quan trong Hiến pháp 2013.

Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại (Điều 86 - Hiến pháp 2013). Theo đó, Chủ tịch nước có hai nhóm quyền hạn, nhiệm vụ: (1) Nhóm các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến chức năng đại diện, thay mặt nhà nước về đối nội và đối ngoại; (2) Nhóm các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến chức năng phối hợp các thiết chế quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp. Bên cạnh đó, với tư cách là người đứng đầu nhà nước, Chủ tịch nước là biểu tượng của sự thống nhất và bền vững của quốc gia. Do đó, theo thông lệ, Chủ tịch nước là người thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh.

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số đại biểu Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước trùng với nhiệm kỳ Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải báo cáo trước Chủ tịch nước. Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phiên họp của Chính phủ, có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước. Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao.

Chủ tịch nước có các nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực lập pháp; trong công tác cán bộ liên quan đến nhân sự của Chính phủ; trong lĩnh vực tư pháp; trong công tác khen thưởng, quốc tịch; trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh; trong lĩnh vực đối ngoại.

Phó Chủ tịch nước và Hội đồng Quốc phòng và An ninh do Hiến pháp quy định, là thiết chế giúp Chủ tịch nước thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.

Chủ tịch nước có thẩm quyền ban hành Lệnh, Quyết định.

- *Chính phủ*

Địa vị pháp lý của Chính phủ được ghi nhận trong chương VII Hiến pháp 2013.

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội (Điều 94, Hiến pháp 2013).

Chính phủ có 20 nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 7, Điều 96 Hiến pháp 2013. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ có thể được phân thành hai nhóm: 1) Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể hóa chức năng thực hiện quyền hành pháp và chấp hành (Khoản 1 và Khoản 2, Điều 96); 2) Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể hóa chức năng hành chính nhà nước cao nhất của Chính phủ (Khoản 3 đến Khoản 7, Điều 96).

Chính phủ được thành lập bởi Quốc hội, ngay tại kỳ họp đầu tiên của mỗi khóa Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Chính phủ gồm có Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Chính phủ có thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành Quyết định. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền ban hành Thông tư; Thông tư liên tịch với Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng VKSND tối cao.

• Chính quyền địa phương

Địa vị pháp lý của Chính quyền địa phương được ghi nhận tại chương IX Hiến pháp 2013⁽¹⁾.

Theo Điều 110 của Hiến pháp 2013, các đơn vị hành chính ở Việt Nam được phân định như sau:

“Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương;

Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường;

Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập”.

Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính. Cấp chính quyền địa phương gồm HĐND và UBND được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định (Điều 111).

Chính quyền địa phương có nhiệm vụ tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương với địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó (Điều 112).

HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương

1. Xem thêm: Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015 (Luật số 77/2015/QH13) và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương do Quốc hội thông qua, ngày 22/11/2019 (Luật số: 47/2019/QH14).

và việc thực hiện nghị quyết của HĐND. HĐND hoạt động thông qua kỳ họp HĐND, hoạt động của các Ban của HĐND và hoạt động của đại biểu HĐND. HĐND có thẩm quyền ban hành Nghị quyết.

UBND ở cấp chính quyền địa phương do HĐND cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước HĐND và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. UBND tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao. Chủ tịch UBND lãnh đạo, điều hành hoạt động của UBND. Khi quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương, UBND phải thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. UBND có thẩm quyền ban hành Quyết định.

- *Tòa án nhân dân*

Địa vị pháp lý của TAND được ghi nhận trong chương VIII Hiến pháp 2013 (từ Điều 102 đến Điều 106). TAND là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp (Khoản 1, Điều 102). TAND có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Khoản 3, Điều 102). TAND hoạt động theo 07 nguyên tắc được ghi nhận tại Điều 103 Hiến pháp 2013.

TAND gồm TAND tối cao và các Tòa án khác do luật định (Khoản 2, Điều 102). TAND tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam, giám đốc việc xét xử của các tòa án khác, thực hiện việc tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử (Điều 104).

Nhiệm kỳ của Chánh án TAND tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Chánh án TAND tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Chánh án TAND tối cao có thẩm quyền ban hành Thông tư; Thông tư liên tịch với Viện trưởng VKSND tối cao; Thông tư liên tịch với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- *Viện Kiểm sát nhân dân*

Địa vị pháp lý của VKSND được ghi nhận trong chương VIII Hiến pháp 2013 (từ Điều 107 đến Điều 109).

VKSND là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp (Khoản 1 Điều 107).

VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (Khoản 3, Điều 107).

VKSND gồm: VKSND tối cao và các Viện Kiểm sát khác do luật định (Khoản 1, Điều 107). VKSND do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng VKSND cấp trên. Viện trưởng các Viện Kiểm sát cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao (Khoản 1, Điều 109).

Nhiệm kỳ của Viện trưởng VKSND tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Viện trưởng VKSND tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Viện trưởng VKSND tối cao có thẩm quyền ban hành Thông tư; Thông tư liên tịch với Chánh án TAND tối cao; Thông tư liên tịch với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- *Hội đồng bầu cử quốc gia*

Địa vị pháp lý của Hội đồng bầu cử quốc gia được ghi nhận tại chương X Hiến pháp 2013 (Điều 117). Hội đồng bầu cử quốc gia là cơ quan do Quốc hội thành lập, có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Hội đồng bầu cử quốc gia gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, các Ủy viên. Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Danh sách thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội phê chuẩn.

- *Kiểm toán nhà nước*

Địa vị pháp lý của Kiểm toán nhà nước được ghi nhận tại chương X Hiến pháp 2013 (Điều 118).

Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Tổng kiểm toán nhà nước là người đứng đầu Kiểm toán nhà nước, do Quốc hội bầu. Nhiệm kỳ của Tổng Kiểm toán nhà nước do luật định. Tổng kiểm toán chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả kiểm toán, báo cáo công tác trước Quốc hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1

1. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến sự hình thành nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.
2. Phân tích nội dung và nhận xét giá trị của các học thuyết phi Mácxít về nguồn gốc của nhà nước.
3. Phân tích tính xã hội của nhà nước và nhận diện những biểu hiện của tính xã hội của nhà nước trên thực tế.
4. Phân tích khái niệm bộ máy nhà nước.
5. Phân biệt cơ quan nhà nước với các tổ chức khác trong xã hội có giai cấp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946;
2. Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959;
3. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980;
4. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;
5. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
6. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
7. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội./.